

GIÁO ÁN ĐỊA LÝ 11

Tuần1-Tiết 1

I.MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết được nội dung chương trình của môn địa lý lớp 11
- Biết được các kỹ năng cơ bản, phương pháp học tập chủ yếu để đạt được kết quả tốt

2. Về năng lực:

- HS có năng lực tự học và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp.
- Sử dụng được các công cụ địa lý như: SGK, bản đồ, tranh ảnh, video,... để tìm hiểu về các vấn đề địa lý 11.
- Vận dụng các kỹ năng vào từng nội dung bài học

3. Về phẩm chất: chăm chỉ, có trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Sách giáo khoa, tài liệu tham khảo liên quan

2. Học sinh: Sách giáo khoa

III . TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Thông qua hình ảnh, giúp HS:

- Xác định được nội dung và mục tiêu của bài học.
- Tạo tình huống học tập, khơi dậy sự tò mò và hứng thú tìm hiểu của HS.

b)Nội dung: Tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d)Tổ chức thực hiện: GV sử dụng PPDH trực quan, đàm thoại gợi mở

Bước 1: GV cho HS lên bảng viết các vấn đề đã biết về địa lý

Bước 2: HS thực hiện

Bước 3: HS trình bày

Bước 4: GV dẫn dắt vào bài

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2.1. Hoạt động : Tìm hiểu về nội dung chương trình .

a) Mục tiêu: biết nội dung chương trình.

b) Nội dung: tìm hiểu SGK để biết nội dung chương trình.

c) Sản phẩm: trình bày được vào vở và trước lớp nội dung chương trình sẽ học trong năm học.

d) Tổ chức thực hiện: GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở

- **Bước 1:** Giáo viên: cho học sinh nhìn sơ lược sách giáo khoa, đọc bảng mục lục trong sách giáo khoa trả lời câu hỏi: nội dung chương trình gồm những nội dung gì ?

- **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ

- **Bước 3:** HS trình bày, học sinh khác bổ sung

- **Bước 4:** Giáo viên nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức

I. Nội dung chương trình

- khái quát nền kinh tế-xã hội thế giới
- một số khu vực và quốc gia

2.2. Hoạt động : Tìm hiểu về mục tiêu môn học .

a) Mục tiêu: biết mục đích, ý nghĩa chủ yếu của chương trình môn học.

b) Nội dung: tìm hiểu SGK để biết nội dung chương trình từ đó biết mục đích môn học.

c) Sản phẩm: trình bày được vào vở và trước lớp mục đích môn học.

d) Tổ chức thực hiện: GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận

- **Bước 1:** GV cho HS tìm hiểu mục đích khi tìm hiểu về kinh tế-xã hội thế giới nói chung và các khu vực cũng như các nước nói riêng là gì ?

GIÁO ÁN ĐỊA LÝ 11

- **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ theo cặp/nhóm trong 3p
- **Bước 3:** HS trình bày, HS bổ sung
- **Bước 4:** GV nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức

II. Mục tiêu học tập

- biết được những đặc điểm kinh tế xã hội hiện nay của thế giới, cá khu vực và một số nước
- hiểu được sự phát triển của thế giới và khu vực có tác động đến sự phát triển nước ta hiện nay
- có được kĩ năng vẽ biểu đồ, nhận xét, phân tích số liệu thống kê...
- tiếp cận khoa học địa lý theo quan điểm không gian.

2.3. Hoạt động : Tìm hiểu về phương pháp học bộ môn .

- a) **Mục tiêu:** biết các phương pháp chủ yếu để học tốt môn học.
- b) **Nội dung:** tìm hiểu dựa vào thực tế bản thân, đặc trưng môn học.
- c) **Sản phẩm:** trình bày được vào vở và trước lớp một số pp.
- d) **Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở, thảo luận
- **Bước 1:** GV cho HS đọc sgk, hiểu biết bản thân, cho biết phương pháp để học tốt môn địa lý 11?
- **Bước 2:** HS thảo luận thực hiện nhiệm vụ theo cặp/nhóm
- **Bước 3:** HS trình bày và bổ sung
- **Bước 4:** GV nhận xét, bổ sung, đưa ra ví dụ minh họa cụ thể :
 - + sử dụng Atlas thế giới
 - + bảng số liệu thống kê
 - + thông tin cập nhập...

III. Phương pháp học bộ môn

- Học từ bản đồ
- Thường xuyên theo dõi thông tin, cập nhập thông tin thông qua tài liệu, sách vở, phương tiện đại chúng
- Nhằm tìm ra mối liên hệ giữa các số liệu, hiện tượng.
- Bảo đảm đầy đủ phần thực hành trong SGK
- So sánh, phân tích, giải thích số liệu.
- Xử lý các số liệu
 - Vẽ biểu đồ

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

- a) **Mục tiêu:** Củng cố kiến thức đã học cho HS.
- b) **Nội dung:** HS dựa vào kiến thức đã học để hoàn thành theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu trả lời vào vở.
- d) **Tổ chức thực hiện:** GV sử dụng phương pháp đàm thoại gợi mở
- **Bước 1:** Dựa vào SGK và hiểu biết hãy khái quát nội dung Địa lý 11 bằng sơ đồ?
- **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân
- **Bước 3:** HS trình bày
- **Bước 4:** GV nhận xét

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

- a) **Mục tiêu:** Từ kiến thức đã học và tài liệu thông tin thực tế liên quan giúp HS:
 - Vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết một số vấn đề thực tiễn
- b) **Nội dung:** HS tìm hiểu nội dung theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu vấn đề thực tiễn qua video, hình ảnh, viết.
- d) **Tổ chức thực hiện:** Sử dụng phương pháp thu thập thông tin và xử lý thông tin.
- **Bước 1:** GV giao nhiệm vụ cho HS: Dựa vào kiến thức đã học, các tài liệu thông tin liên quan và hiểu biết từ thực tế, hãy cho biết một vài vấn đề thế giới hiện nay quan tâm nhiều (video, hình ảnh, viết).
- **Bước 2:** GV hướng dẫn, HS tự hoàn thành ở nhà theo cá nhân.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- **Bước 3:** HS nộp sản phẩm vào đầu giờ tiết sau.
 - **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá quá trình và kết quả hoạt động của một vài HS.
Rút kinh nghiệm cho cả lớp.
-

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

Tuần 2

PHẦN I: KHÁI QUÁT NỀN KT-XH THẾ GIỚI

TIẾT 2. BÀI 1. SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế – xã hội của các nhóm nước phát triển và đang phát triển, các nước CN mới.
- Trình bày được đặc điểm nổi bật của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.
- Trình bày được tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đến sự phát triển kinh tế – xã hội, xuất hiện các ngành kinh tế mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hình thành nền kinh tế tri thức.

2. Năng lực:

- Năng lực tự học và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp.
- Sử dụng được các công cụ địa lý như: SGK, bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, video,... để nhận xét sự phân bố các nước theo mức GDP bình quân đầu người, phân tích bảng số liệu về kinh tế – xã hội của từng nhóm nước.
- Vận dụng kiến thức để phân tích, giải thích sự khác biệt giữa các nhóm nước.

3. Phẩm chất: Sống có trách nhiệm, đặc biệt trách nhiệm học tập để thích ứng với cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu/ bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

2. Học sinh: SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS hình dung được những nét chính sự phân chia thế giới thành các nhóm nước.

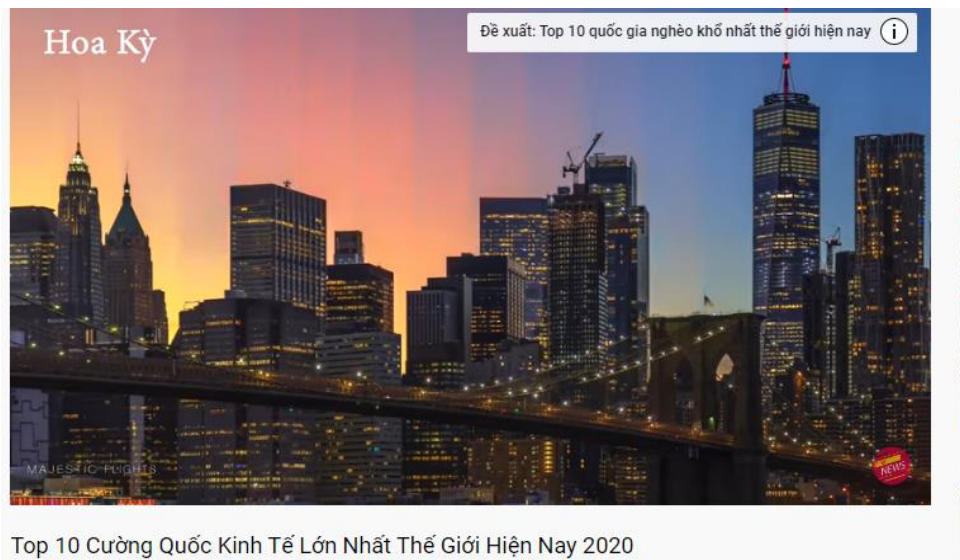
b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

Trên thế giới hiện nay có > 200 quốc gia và vùng lãnh thổ. Các quốc gia và vùng lãnh thổ có sự khác nhau về tự nhiên, dân cư, trình độ phát triển KT. Vì sự khác biệt đó mà người ta phân chia thành các nhóm nước: Phát triển và đang phát triển

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS xem video hãy tìm hiểu nguyên nhân phân chia thế giới thành các nhóm nước? <https://www.youtube.com/watch?v=Jl1rDUtSXy0>



- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về sự phân chia thế giới thành các nhóm nước

- a) **Mục tiêu:** Biết được cách phân chia và các tiêu chí phân chia các nhóm nước trên thế giới.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, khai thác BSL để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Sự phân chia thành các nhóm nước

- Các nước có sự khác nhau về đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội, trình độ phát triển kinh tế. Dựa vào trình độ phát triển KT - XH, các nước được xếp thành hai nhóm: Nhóm nước phát triển, nước đang phát triển.
- Sự tương phản giữa hai nhóm nước thể hiện ở các mặt:
 - + Đặc điểm phát triển DS
 - + Các chỉ XH (HDI...)
 - + Cơ cấu GDP phân theo khu vực KT
 - + Tổng GDP và bình quân GDP/người
- Nước công nghiệp mới (NICs): Nước đạt được trình độ phát triển nhất định về CN.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:
 - + Nhóm 1, 3: Lấy VD và phân biệt rõ sự khác nhau giữa 2 nhóm nước.
 - + Nhóm 2, 4: Dựa vào Hình 1.1, nhận xét sự phân bố các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới theo mức GDP bình quân đầu người (USD/ng)?
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
 - + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**
 - + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
 - + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về sự tương phản về trình độ phát triển KT – XH của hai nhóm nước

a) Mục tiêu: Nhận biết được sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước: phát triển, đang phát triển, các nước công nghiệp mới (NICs).

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước.**1. Về kinh tế:**

a. GDP bình quân theo đầu người: Nước phát triển ở mức cao, nước NICs ở mức khá cao, nước đang phát triển ở mức thấp

b. Về cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế: Các nước phát triển KVIII chiếm tỉ trọng lớn nhất (71% - 2004), KVI chiếm tỉ trọng thấp nhất (2% - 2004). Các nước đang phát triển đang có sự chuyển dịch theo hướng tích cực (giảm tỉ trọng KVI, tăng tỉ trọng KVII, KVIII) nhưng KVI hiện vẫn chiếm tỉ trọng lớn trong cơ cấu GDP (25% - 2004).

2. Về một số vấn đề xã hội:

a. Tuổi thọ trung bình.

- Các nước phát triển có TTTB cao hơn TTTB của TG và cao hơn nhiều so với TTTB của các nước đang phát triển.

- Các nước đang phát triển có TTTB thấp (65t - 2005).

b. Chỉ số HDI.

- Các nước phát triển có chỉ số HDI cao hơn mức TB của TG và cao hơn nhiều so với các nước đang phát triển.

- Các nước đang phát triển có chỉ số HDI thấp hơn mức TB của TG, thấp hơn nhiều so với các nước phát triển.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

BẢNG 1.1. GDP BÌNH QUÂN ĐẦU NGƯỜI CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI - NĂM 2004, THEO GIÁ THỰC TẾ

(Đơn vị: USD)

Các nước phát triển		Các nước đang phát triển	
Tên nước	GDP/người	Tên nước	GDP/người
Đan Mạch	45 008	An-ba-ni	2372
Thụy Điển	38 489	Cô-lôm-bi-a	2150
Anh	35 861	In-đô-nê-xi-a	1193
Ca-na-đa	30 714	Ấn Độ	637
Niu Di-lân	24 314	Ê-ti-ô-pi-a	112
Thế giới: 6393			

+ Nhóm 1, 3: So sánh sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế giữa nhóm nước phát triển, nước đang phát triển?

+ Nhóm 2, 4: So sánh sự tương phản về một số khía cạnh xã hội giữa nhóm nước phát triển, nước đang phát triển?

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về tác động và ảnh hưởng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

a) **Mục tiêu:** HS hiểu được tác động của cuộc cách mạng KH&CN hiện đại.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.

1. Thời điểm xuất hiện và đặc trưng:

- Cuộc cách mạng KH&CN hiện đại diễn ra vào cuối thế kỉ XX, đầu thế kỉ XXI.
- Đặc trưng là làm xuất hiện và bùng nổ công nghệ cao.
- Có 4 công nghệ trụ cột: CNSH, CN vật liệu, CN năng lượng và CNTT.
- + Tạo ra những giống mới, tạo ra những bước tiến quan trọng trong chẩn đoán và điều trị bệnh....
- + CN vật liệu: Tạo ra những vật liệu chuyên dụng mới như vật liệu composit, vật liệu siêu dẫn.
- + CN năng lượng: phát triển theo hướng tăng cường SD các dạng năng lượng hạt nhân, mặt trời, sinh học, địa nhiệt, gió.
- + CNTT: Hướng vào SD vi mạch, chip điện tử có tốc độ cao, công nghệ lade, cáp sợi quang, truyền thông đa phương tiện, siêu lộ cao tốc thông tin.

2. Tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại tới nền kinh tế - xã hội thế giới.

- Xuất hiện nhiều ngành CN mới, có hàm lượng KT cao: SX phần mềm, công nghệ gen; các ngành DV cần nhiều tri thức: Bảo hiểm, viễn thông...
- Cơ cấu KT chuyển đổi theo hướng: Tăng tỉ trọng của DV, giảm tỉ trọng của CN và nông nghiệp
- Xuất hiện nền kinh tế tri thức.
- + KT tri thức là loại hình KT mới dựa trên tri thức, kĩ thuật, công nghệ cao.
- + Một số ngành DV cần nhiều tri thức: Kiến trúc, điều tra, thăm dò, ngân hàng, máy tính và các dv liên quan tới CNTT, thông tấn, báo chí, makettinh, quảng cáo, bất động sản....

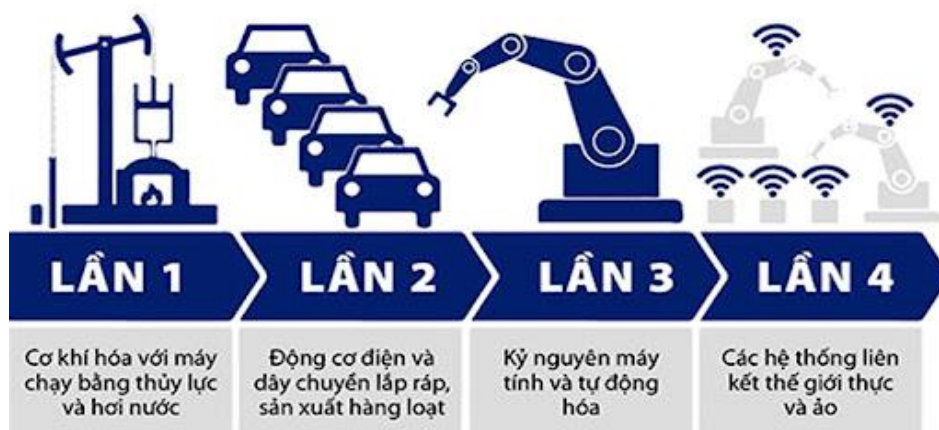
d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS xem video, tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1, 3: Thế giới đã diễn ra các cuộc cách mạng khoa học và kĩ thuật nào? Nêu một số thành tựu do 4 công nghệ trụ cột tạo ra?

+ Nhóm 2, 4: Cuộc cách mạng KH&CN hiện đại có tác động như thế nào đến nền KT - XH thế giới? <https://www.youtube.com/watch?v=-GWj0WkYp9A>

CÁCH MẠNG CÔNG NGHIỆP



- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là xuất hiện và phát triển nhanh chóng

A. công nghiệp điện tử.

B. công nghiệp dệt may.

C. công nghệ cao.

D. công nghiệp cơ khí.

Câu 2: Một số nước và vùng lãnh thổ đã trải qua quá trình công nghiệp hóa và đạt được trình độ nhất định về công nghiệp gọi chung là các nước

A. công nghiệp mới.

B. phát triển.

C. công nghiệp.

D. đang phát triển.

Câu 3: Chưa hoàn thành quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa, có cơ cấu kinh tế còn lạc hậu là nhóm nước

A. đang phát triển.

B. công nghiệp mới.

C. công nghiệp.

D. phát triển.

Câu 4: Nghiên cứu sử dụng các vi mạch, chip điện tử có tốc độ cao, kỹ thuật số hóa thuộc lĩnh vực công nghệ nào dưới đây?

A. Sinh học.

B. Vật liệu.

C. Năng lượng.

D. Thông tin.

Câu 5: Châu lục có huân thạ trung bình của người dân thấp nhất thế giới là

A. Châu Âu.

B. Châu Á.

C. Châu Mỹ.

D. Châu Phi.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để giải thích nguyên nhân sự phát triển và tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

* Câu hỏi: Vì sao cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra và tác động chủ yếu ở các nước có nền kinh tế phát triển?

* Trả lời câu hỏi:

- Các nước này sớm tiến hành CNH nên có những tiềm năng kinh tế và nghiên cứu khoa học kỹ thuật.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- Có khả năng đầu tư những nguồn kinh phí lớn cho việc nghiên cứu và ứng dụng các thành tựu khoa học và công nghệ hiện đại vào sản xuất, nhằm nâng cao năng suất lao động.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

Tuần 3.4.

Ngày soạn:

TIẾT 3,4. BÀI 2,4

Chủ đề: XU HƯỚNG TOÀN CẦU HÓA, KHU VỰC HÓA KINH TẾ THỜI CỜ VÀ THÁCH THỨC.

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Trình bày được các biểu hiện của toàn cầu hóa, khu vực hóa và hệ quả của toàn cầu hóa, khu vực hóa.
- Biết lý do hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực và đặc điểm của một số tổ chức đó.
- Hiểu được những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển.

2. Năng lực:

- Năng lực tự học và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp.
- Sử dụng công cụ địa lý: bản đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, video....để nhận biết lãnh thổ của một số liên kết kinh tế khu vực, phân tích được số liệu.
- Vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tế của đất nước và địa phương. Có ứng xử phù hợp trước những thách thức mà toàn cầu hóa mang lại, đặc biệt vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu.

3. Về phẩm chất: Sống có trách nhiệm, nhận thức được tính tất yếu của toàn cầu hóa, khu vực hóa. Từ đó có trách nhiệm góp phần vào xây dựng địa phương.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu/ bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

2. Học sinh: SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp cho HS gợi nhớ lại các tổ chức khu vực và quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Rèn luyện kỹ năng phân tích, suy luận để thấy được tầm quan trọng của việc tham gia các liên kết trên thế giới. Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học cho HS.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS dựa vào hiểu biết cá nhân và kiến thức đã học hãy cho biết hiện nay Việt Nam là thành viên của các tổ chức kinh tế nào? Vì sao chúng ta phải tham gia vào các tổ chức kinh tế đó?



- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về xu hướng toàn cầu hoá kinh tế

- a) **Mục tiêu:** HS trình bày được các biểu hiện, hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế.

Toàn cầu hoá là quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới về nhiều mặt từ kinh tế đến văn hoá, khoa học. Trong đó toàn cầu hoá kinh tế có tác động mạnh mẽ đến mọi mặt của nền KT - XH thế giới.

1. Những biểu hiện của toàn cầu hoá kinh tế.

a. Thương mại thế giới phát triển mạnh.

- Tốc độ gia tăng trao đổi hàng hoá trên thế giới nhanh hơn nhiều so với gia tăng GDP
- Trong sự phát triển của thương mại thế giới có vai trò quan trọng của WTO.

b. Đầu tư nước ngoài tăng nhanh.

- Từ 1990 đến 2004 đầu tư nước ngoài tăng từ 1774tỷ USD lên 8895 tỷ USD (Tăng > 5 lần).
- Trong đó DV chiếm tỉ trọng ngày càng lớn đặc biệt là các DV nhiều kiến thức.

c. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.

- Nhiều ngân hàng của các nước trên thế giới được liên kết với nhau
- Các tổ chức tài chính quốc tế được hình thành như: IMF, WB, ADB có vai trò quan trọng trong sự phát triển nền KT toàn cầu và trong đời sống KT - XH của các quốc gia.

d. Các công ti xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn.

- Các công ti xuyên quốc gia có:
 - + Phạm vi hoạt động rộng, trên nhiều quốc gia.
 - + Nắm nguồn của cải vật chất lớn.
 - + Chi phối nhiều ngành KT quan trọng.

2. Hệ quả của toàn cầu hoá kinh tế.

a. Tích cực:

- Thúc đẩy SX phát triển và tăng trưởng KT toàn cầu.
- Đẩy nhanh đầu tư và khai thác triệt để khoa học công nghệ, tăng cường sự hợp tác quốc tế.

b. Tiêu cực: Làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo.

d) Tổ chức thực hiện:

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

- + Nhóm 1, 3: Tìm hiểu về biểu hiện của toàn cầu hóa kinh tế.
- + Nhóm 2, 4: Tìm hiểu về hệ quả của toàn cầu hóa kinh tế?



- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về xu hướng khu vực hoá kinh tế

a) Mục tiêu: HS trình bày được các biểu hiện, khu vực hóa kinh tế, biết được nguyên nhân hình thành tổ chức liên kết kinh tế khu vực và nắm được một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Xu hướng khu vực hoá kinh tế.

1. Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực.

* Cơ sở hình thành các tổ chức liên kết KT khu vực:

Do sự phát triển không đều và sức ép cạnh tranh giữa các KV tròn TG, những quốc gia có những nét tương đồng về địa lí, văn hóa, xã hội hoặc có chung mục tiêu, lợi ích phát triển đó liên kết thành các tổ chức kinh tế đặc thù.

* Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực: Bảng 2

2. Hệ quả của khu vực hoá kinh tế.

a. Tích cực:

- Thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế, tự do hoá thương mại.
- Mở rộng thị trường, đẩy nhanh quá trình toàn cầu hoá kinh tế thế giới.

b. Tiêu cực: Tạo ra những thách thức về đảm bảo quyền độc lập, tự chủ về kinh tế và chính trị.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS Dựa vào bảng 2 so sánh số dân và GDP của các tổ chức liên kết KT khu vực. Rút ra nhận xét?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Phân tích và viết báo cáo những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển

a) **Mục tiêu:** HS hiểu được những cơ hội và thách thức của toàn cầu hóa đối với các nước đang phát triển.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

1. Những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển.

* **Thời cơ:**

- Cơ hội mở rộng thị trường, giao lưu buôn bán.
- Tiếp cận và đón đầu công nghệ
- Tận dụng các lợi thế về vốn, công nghệ, thị trường quốc tế.
- Hợp tác trong tư pháp và an ninh quốc phòng, văn hóa, giáo dục, y tế,...
- Hợp tác trong giải quyết các vấn đề toàn cầu.

* **Thách thức:**

- Phát sinh các vấn đề toàn cầu.
- Nguy cơ cạnh tranh và sức ép kinh tế.
- Nguy cơ phụ thuộc.
- Nguy cơ tụt hậu, gia tăng khoảng cách với nhóm phát triển.
- Suy giảm tài nguyên, ô nhiễm môi trường.
- Hòa nhập dễ hòa tan,....

2. Trình bày báo cáo

- Tên báo cáo: Những cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá đối với các nước đang phát triển nói chung, đối với Việt Nam nói riêng.

- Nội dung ngắn gọn (15 đến 20 dòng) và phải có VD minh họa, phân tích làm rõ. Có liên hệ với VN (đặc biệt là vấn đề bảo vệ môi trường, vấn đề sử dụng năng lượng tiết kiệm, hiệu quả).

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 2 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Câu hỏi: Các nhóm đọc thông tin SGK, sắp xếp thành 2 mảng: Cơ hội và thách thức theo mẫu sau:

Các thông tin	Cơ hội	Thách thức

Yêu cầu trên cơ sở phân tích các cơ hội thách thức các nhóm viết một bài báo cáo ngắn không quá 20 dòng với chủ đề: Những cơ hội thách thức của toàn cầu hóa đối với nhóm nước đang phát triển. Ở mỗi vấn đề cho ví dụ minh họa.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

- + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
- + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

- + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
- + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

a) Mục tiêu: củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Biểu hiện của thị trường tài chính quốc tế được mở rộng là

A. triệt tiêu các ngân hàng nhỏ.

B. sự sát nhập của các ngân hàng lại với nhau.

C. sự kết nối giữa các ngân hàng lớn với nhau.

D. nhiều ngân hàng được nối với nhau qua mạng viễn thông điện tử.

Câu 2: Các công ty đa quốc gia có đặc điểm nào sau đây?

A. Số lượng có xu hướng ngày càng giảm.

B. Nằm trong tay nguồn của cải vật chất rất lớn.

C. Chi phối hoạt động chính trị của nhiều nước.

D. Phạm vi hoạt động chỉ trong một khu vực.

Câu 3: Động lực thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của các tổ chức liên kết kinh tế khu vực là

A. tạo lập được một thị trường chung rộng lớn.

B. sự tự do hoá thương mại giữa các nước thành viên.

C. sự tự do hoá đầu tư dịch vụ trong phạm vi khu vực.

D. sự hợp tác, cạnh tranh giữa các nước thành viên.

Câu 4: Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực trên thế giới được hình thành chủ yếu do nguyên nhân nào dưới đây?

A. Các nước có nét tương đồng về lịch sử phát triển.

B. Chịu sức ép cạnh tranh và có sự phát triển không đều.

C. Các quốc gia có chung mục tiêu và lợi ích phát triển.

D. Tổng thu nhập quốc dân tương tự nhau giữa các quốc gia.

Câu 5: Sự kiện quốc tế nào diễn ra tại TP Đà Nẵng vào tháng 11/2017?

A. Tuần lễ cấp cao APEC.

B. Hội nghị bộ trưởng ASEAN.

C. Cuộc thi hoa hậu toàn cầu.

D. Đại hội thể thao Đông Nam Á.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục đích: Giúp HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để giải thích được những thuận lợi và khó khăn của Việt Nam khi mở cửa hội nhập.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

* Câu hỏi: Việt Nam có những thuận lợi và khó khăn khi mở cửa hội nhập?

* Hướng dẫn trả lời:

- Thuận lợi:

+ Vị trí thuận lợi để giao lưu kinh tế, văn hóa với các nước.

+ Điều kiện tự nhiên thuận lợi, tài nguyên phong phú.

+ Có lực lượng lao động dồi dào, chất lượng lao động ngày càng tăng.

+ Đã bình thường hóa quan hệ ngoại giao với các nước.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- Khó khăn:
- + Xuất phát điểm thấp: Thiếu vốn, cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật, lại chịu hậu quả nặng nề của chiến tranh.
- + Thu nhập bình quân đầu người thấp.
- + Sức ép về dân số.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
 - **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
 - **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
 - **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.
-

Tuần 5 .

TIẾT 5. BÀI 3: MỘT SỐ VẤN ĐỀ MANG TÍNH TOÀN CẦU

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết và giải thích được tình trạng bùng nổ dân số ở các nước đang phát triển và già hóa dân số ở các nước phát triển.
- Trình bày được một số biểu hiện, nguyên nhân của ô nhiễm môi trường, phân tích được hậu quả của ô nhiễm môi trường, nhận thức được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường.
- Hiểu được sự cần thiết phải bảo vệ hòa bình và chống nguy cơ chiến tranh

2. Năng lực:

- Năng lực tự học và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp.
- Sử dụng công cụ địa lý: bảng số liệu, tranh ảnh, video... để nhận biết, hiểu rõ các vấn đề mang tính toàn cầu hiện nay.
- Vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tế của đất nước và địa phương.

3. Phẩm chất:

- Sống có trách nhiệm
- yêu quê hương, có lòng nhân ái.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. **Giáo viên:** Máy tính, máy chiếu/ bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

2. **Học sinh:** SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) **Mục đích:** HS hiểu và nhận biết một số vấn đề mang tính toàn cầu.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu một số hình ảnh về một số vấn đề mang tính toàn cầu cho HS quan sát (dân số, môi trường, khủng bố, đói nghèo...) sau đó đặt câu hỏi: những hình ảnh trên gợi cho em liên tưởng đến những vấn đề gì? Em biết gì về những vấn đề đó?



GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về vấn đề dân số

- a) **Mục tiêu:** HS hiểu biểu hiện, hậu quả của việc bùng nổ dân số, biết các biện pháp hạn chế gia tăng dân số.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, khai thác bảng số liệu để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Vấn đề dân số

1. Bùng nổ dân số

a. Biểu hiện

- Dân số thế giới tăng nhanh, đặc biệt vào nửa cuối thế kỉ XX $\Rightarrow$ bùng nổ dân số năm 2005: dân số TG là 6477 triệu người; năm 2013: 7137 triệu người
- Bùng nổ dân số diễn ra chủ yếu ở các nước đang phát triển: Các nước đang phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên cao hơn nhiều các nước phát triển và toàn TG

b. Hậu quả (tích hợp GD Dân số và môi trường)

Dân số tăng nhanh sẽ gây sức ép lớn đối với kinh tế, xã hội, tài nguyên và môi trường (tích lũy nền kinh tế, việc làm, cạn kiệt tài nguyên...)

c. Biện pháp: Hạn chế sự gia tăng dân số bằng các biện pháp kế hoạch hóa gia đình.

2. Già hóa dân số

a. Biểu hiện

- Dân số thế giới đang già đi, tuổi thọ trung bình và tỉ lệ người già ngày càng tăng.
- Sự già hoá dân số chủ yếu ở nhóm nước phát triển.

b. Hậu quả

- Thiếu hụt lực lượng lao động.
- Chi phí phúc lợi xã hội lớn cho người già

c. Biện pháp:

- Khuyến khích sinh đẻ.
- Có chính sách nhập cư phù hợp.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

- + Câu hỏi 1: Chứng minh dân số thế giới có sự tăng nhanh.?
- + Câu hỏi 2: Dựa vào bảng sau, so sánh tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của nhóm nước đang phát triển với nhóm nước phát triển và TG?

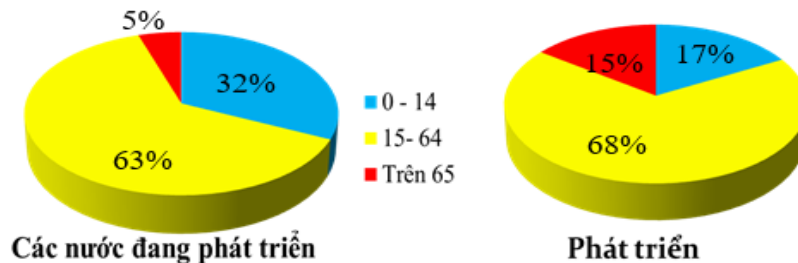
Bảng 3. 1 Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên trung bình năm đơn vị (%)

	1960 - 1965	1975 - 1980	1985 - 1990	1995 - 2000	2001 - 2005
Phát triển	1, 2	0, 8	0, 6	0, 2	0, 1
Đang phát triển	2, 3	1, 9	1, 9	1, 7	1, 5
Thế giới	1, 9	1, 6	1, 6	1, 4	1, 2

+ Câu hỏi 3: Nêu hậu quả sự bùng nổ dân số dựa vào những hình ảnh sau và đề xuất các giải pháp.



+ Câu hỏi 4: Dựa vào hiểu biết nêu hậu quả sự già hóa dân số. Đề xuất các giải pháp? Dựa vào BD so sánh cơ cấu dân số giữa nhóm nước phát triển và đang phát triển?



- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 10 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
- + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

* Kết luận chung: Bùng nổ dân số diễn ra chủ yếu ở các nước đang phát triển, Già hóa dân số diễn ra chủ yếu ở các nước phát triển.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về vấn đề xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo, nạn khủng bố và một số vấn đề khác

a) Mục tiêu: HS hiểu những biểu hiện, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề xung đột sắc tộc, tôn giáo, khủng bố và một số vấn đề khác. Biết các giải pháp nhằm hạn chế những vấn đề nêu trên.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Các vấn đề xã hội khác

Vấn đề	Biểu hiện	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
Xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo và nạn khủng bố	- Xuất hiện ở nhiều nơi. - Nhiều cách thức khác nhau. - Mức độ nguy hiểm ngày càng cao.	- Do mâu thuẫn, tranh giành quyền lợi. - Do hoạt động của các tổ chức tôn giáo, chính trị cực đoan.	Đe dọa trực tiếp tới ổn định, hòa bình thế giới	Các quốc gia cũng như toàn thế giới phải hợp tác tích cực để chống khủng bố

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

Kể tên một số vấn đề mang tính toàn cầu khác: Hoạt động kinh tế ngầm (buôn lậu vũ khí, rửa tiền...), tội phạm liên quan đến sản xuất, vận chuyển, buôn bán ma túy...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để hoàn thành phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP

Vấn đề	Biểu hiện	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
Xung đột sắc tộc, xung đột tôn giáo và nạn khủng bố				
Kể tên một số vấn đề mang tính toàn cầu khác				

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau

+ Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu về vấn đề môi trường

a) **Mục tiêu:** HS hiểu những hiện trạng, nguyên nhân, hậu quả của vấn đề môi trường. Biết các giải pháp bảo vệ môi trường.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. Vấn đề môi trường

Vấn đề môi trường	Hiện trạng	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp
1. Biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ôzôn	- Trái Đất nóng lên. - Mưa axit.	Lượng CO ₂ gây hiệu ứng nhà kính và các khí thải khác trong khí quyển tăng (Sản xuất CN, GTVT, sinh hoạt...)	- Băng tan $\Rightarrow$ Mực nước biển dâng gây ngập lụt nhiều nơi. - Thời tiết, khí hậu thất thường, thiên tai thường xuyên...	- Giảm lượng CO ₂ trong sản xuất và sinh hoạt. - Trồng và bảo vệ rừng...
	Tầng ôzôn bị mỏng dần và lỗ thủng ngày càng lớn.	Các chất khí CFCs trong sản xuất công nghiệp, sinh hoạt.	Ảnh hưởng đến sức khỏe, mùa màng, sinh vật.	- Cắt giảm lượng CFCs trong sản xuất và sinh hoạt. - Trồng nhiều cây xanh.
2. Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương	Ở nhiều nơi, nguồn nước ngọt, nước biển đang bị ô nhiễm nghiêm	- Chất thải từ sản xuất, sinh hoạt chưa qua xử lý. - Tràn dầu, rửa tàu, đắm tàu trên biển.	- Thiếu nguồn nước ngọt, nước sạch. - Ảnh hưởng đến sức khỏe con người. - Môi trường biển và đại dương bị tổn	- Xử lý chất thải trước khi thải ra. - Đảm bảo an toàn khai thác dầu và hàng hải.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

	trọng.		thất nghiêm trọng.	
3. Suy giảm đa dạng sinh học	Nhiều loài sinh vật bị tuyệt chủng hoặc đứng trước nguy cơ diệt chủng.	- Khai thác thiên nhiên quá mức. - Do ô nhiễm môi trường.	- Mất đi nhiều loài sinh vật, nguồn gen quý, nguồn thực phẩm, nguồn thuốc chữa bệnh, nguồn nguyên liệu... - Mất cân bằng sinh thái.	- Xây dựng các khu bảo tồn thiên nhiên, các vườn quốc gia. - Thực hiện luật bảo vệ rừng, bảo vệ tài nguyên sinh vật...

d) Tổ chức thực hiện:

- Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

- GV chia lớp thành 6 nhóm. Các nhóm họp, bầu ra nhóm trưởng, thư kí. Phân công nhiệm vụ:

- + Nhóm 1, 2: Tìm hiểu vấn đề biến đổi khí hậu và suy giảm tầng ô dôn.
- + Nhóm 3, 4: Tìm hiểu vấn đề Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương.
- + Nhóm 5, 6: Tìm hiểu vấn đề suy giảm đa dạng sinh vật.

Các nhóm làm báo cáo, đóng thành quyển và nộp, tổ chức nhận xét vào buổi chuyên đề ngoại khóa về môi trường. nội dung báo cáo theo gợi ý sau:

Vấn đề môi trường	Biểu hiện	Nguyên nhân	Hậu quả	Giải pháp	Liên hệ Việt Nam
Biến đổi khí hậu toàn cầu và suy giảm tầng ô dôn					
Ô nhiễm nguồn nước ngọt, biển và đại dương					
Suy giảm đa dạng sinh vật					

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện ở nhà.

- + Xây dựng kế hoạch thực hiện: xây dựng đề cương, kế hoạch thực hiện dự án, phương pháp tiến hành và phân công công việc trong nhóm.
- + Thực hiện dự án: các thành viên thực hiện công việc theo kế hoạch đã đề ra cho nhóm và cá nhân. Thời gian thực hiện là 1 tuần.
- + Kết quả thực hiện dự án có thể được viết dưới dạng thu hoạch, báo cáo, sơ đồ tư duy, bảng phụ, tranh ảnh, tiểu phẩm...

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- + Nộp báo cáo để gv kiểm tra, hs chỉnh sửa, chọn bài báo cáo tốt nhất.
- + Đại diện các nhóm lên báo cáo kết quả của nhóm mình, các nhóm được chọn trình bày trước toàn khối trong buổi ngoại khóa.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc và kết quả hoạt động của các nhóm, cung cấp bảng thông tin phản hồi, hướng dẫn học sinh đánh giá kết của của các nhóm và cho điểm ưu tiên vào phiếu đánh giá thường xuyên.

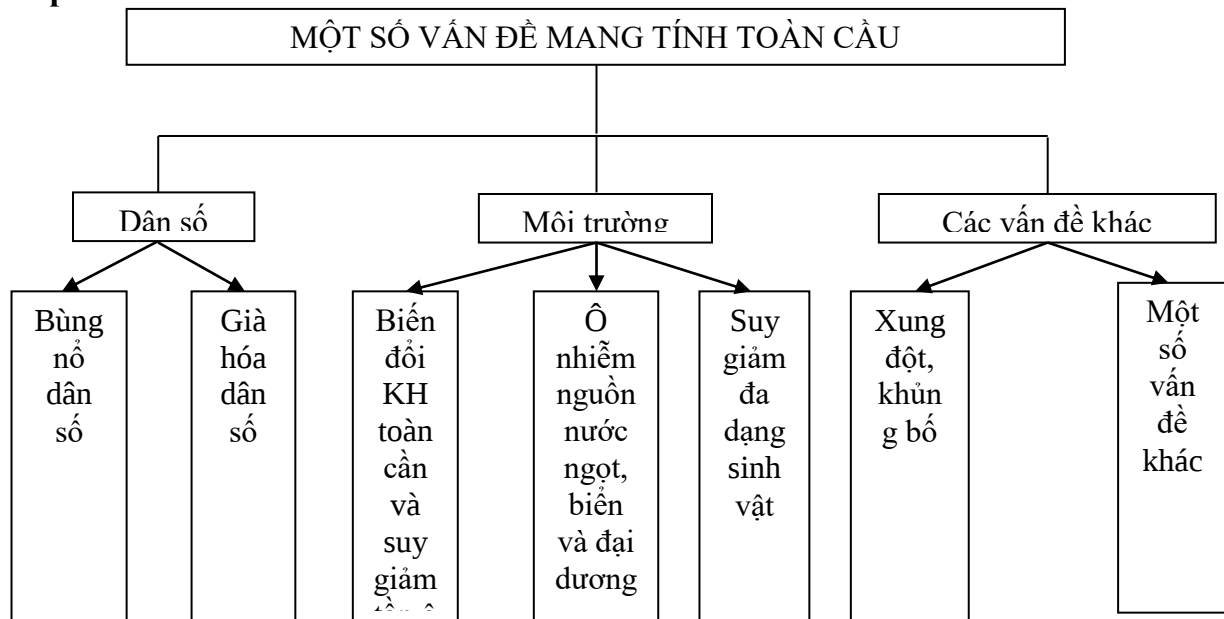
3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

a) **Mục tiêu:** hệ thống lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:



d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS vẽ sơ đồ các vấn đề toàn cầu.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS vẽ sơ đồ. GV gọi 2 HS lên bảng vẽ.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** HS ở dưới nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, giới thiệu thêm, chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Giúp HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để lấy được các ví dụ về biểu hiện của vấn đề mang tính toàn cầu tại Việt Nam.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

* Câu hỏi: Giải thích câu nói: trong bảo vệ môi trường, cần phải “tư duy toàn cầu, hành động địa phương”.

* Trả lời câu hỏi:

- Tư duy toàn cầu: nghĩa là môi trường trên Trái Đất là một thể thống nhất, có tác động và ảnh hưởng đến nhau mạnh mẽ. Vì vậy, việc bảo vệ môi trường không đơn giản chỉ là bảo vệ môi trường nơi mình sinh sống, mà còn góp phần lớn trong bảo vệ Trái Đất. Ngược lại khi xả thải vào môi trường, điều đó không chỉ làm hư hại khu vực mình sinh sống, về lâu dài sẽ lan rộng và ảnh hưởng đến cả khu vực lớn xung quanh, nguy hiểm hơn là cả một lãnh thổ, quốc gia.

- Hành động địa phương:

+ Bảo vệ môi trường là vấn đề mang tính toàn cầu, không phải của riêng ai, của riêng quốc gia nào. Vì vậy cần thiết có sự chung tay của tất cả mọi người trên Trái Đất.

+ Điều đó đồng nghĩa rằng, mỗi người chúng ta là những công dân toàn cầu, chúng ta cần có ý thức hành động từ những việc nhỏ trong cuộc sống của mình: đổ rác đúng nơi quy định, phân loại rác, tắt điện trước khi ra ngoài, sử dụng tiết kiệm nước, đi xe bus....

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

Tuần 6,7,8

TIẾT 6,7,8. BÀI 5

Chủ đề 3 tiết: MỘT SỐ VẤN ĐỀ CỦA CHÂU LỤC VÀ KHU VỰC

Xác định vấn đề cần giải quyết

- Thế giới hiện nay có sự phân hóa giữa các khu vực, châu lục, các nước do trình độ phát triển kinh tế xã hội khác nhau. Tuy nhiên ngay trong một khu vực, châu lục lại cũng có sự phân hóa do điều kiện tự nhiên, xã hội khác nhau.

- Xu hướng của thế giới và khu vực là xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa, liên kết tạo sự phát triển cho các nước.

- Mặc dù nền kinh tế xã hội có sự khác biệt nhưng các khu vực, châu lục khác nhau vẫn có những vấn đề đòi hỏi phải có sự giải quyết chung vì cả thế giới.

Châu Phi, khu vực Mĩ La Tinh, Tây Nam Á, Trung Á... nằm ở các vị trí khác nhau nhưng lại có nhiều vấn đề cần quan tâm và giải quyết. Sự sắp xếp nội dung các tiết dạy theo SGK theo từng châu lục, khu vực nên chỉ làm rõ được tự nhiên, dân cư và kinh tế của từng châu lục, khu vực mà chưa thấy rõ sự giống nhau và khác nhau của các khu vực, châu lục này. Vì vậy sắp lại thành một bài học tạo điều kiện cho việc tổ chức các hoạt động học nối tiếp thành một chuỗi, đồng thời học sinh được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng tốt hơn.

Nội dung bài học :

- Một số vấn đề của châu Phi
- Một số vấn đề của Mĩ La Tinh
- Một số vấn đề của Tây Nam Á và Trung Á

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức:

- Biết được Châu Phi khá giàu khoáng sản, song có nhiều khó khăn do khí hậu khô, nóng, tài nguyên môi trường bị cạn kiệt, tàn phá ...
- Dân số tăng nhanh, nguồn lao động lớn song chất lượng cuộc sống thấp, bệnh tật, chiến tranh đe dọa, xung đột sắc tộc.
- Kinh tế có sự khởi sắc nhưng cơ bản phát triển còn chậm.
- Biết Mĩ La Tinh có điều kiện tự nhiên thuận lợi cho phát triển kinh tế, song nguồn tài nguyên thiên nhiên được khai thác lại chỉ phục vụ cho thiểu số dân, gây tình trạng không công bằng, mức sống chênh lệch lớn với một bộ phận không nhỏ dân cư dưới mức sống nghèo khổ.
- Phân tích được tình trạng thiếu ổn định của nền kinh tế các nước Mĩ La Tinh, khó khăn do nợ, phụ thuộc nước ngoài và những cố gắng để vượt qua khó khăn của các nước này.
- Biết được tiềm năng phát triển kinh tế của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- Hiểu được các vấn đề chính của khu vực đều liên quan đến vai trò cung cấp dầu mỏ và các vấn đề dẫn tới xung đột sắc tộc, tôn giáo, nạn khủng bố.

2. Về năng lực:

- Năng lực tự học và giải quyết vấn đề, năng lực sáng tạo, năng lực hợp tác và giao tiếp.
- Sử dụng các công cụ địa lý: bản đồ, lược đồ, bảng số liệu, hình ảnh..... để phân tích lược đồ, bảng số liệu và thông tin nhằm dễ nhận biết các vấn đề của Châu Phi, Mỹ La Tinh, Tây Nam Á, Trung Á
- Vận dụng vào giải quyết vấn đề thực tế.

3. Về phẩm chất:

- Sống có trách nhiệm, biết chia sẻ với những khó khăn mà người dân phải trải qua.
- Tôn trọng các giá trị văn hóa

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu/ bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

2. Học sinh: SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu khái quát về một số khu vực, châu lục.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.
- c) **Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.
- d) **Tổ chức thực hiện:**
- **Bước 1:** GV cho HS quan sát hình ảnh, bức tranh, cho biết: Hình ảnh đó cho em biết điều gì? Xảy ra ở đâu? Em biết gì về những khu vực đó? <https://www.google.com/search>



- **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ
- **Bước 3:** HS trình bày, HS bổ sung
- **Bước 4:** GV nhận xét và dẫn vào bài

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu vị trí của các khu vực, châu lục 10p

- a) **Mục tiêu:** tìm hiểu về vị trí và những đặc điểm nổi bật của khu vực và châu lục.
- b) **Nội dung:** HS dựa vào SGK, bản đồ, máy chiếu
- c) **Sản phẩm:** HS dựa vào SGK, hiểu biết thực tế, chỉ trên bản đồ và trình bày vị trí địa lý của từng châu lục và khu vực trong bài học

I. Khái quát về vị trí địa lý, lãnh thổ của một số châu lục và khu vực:

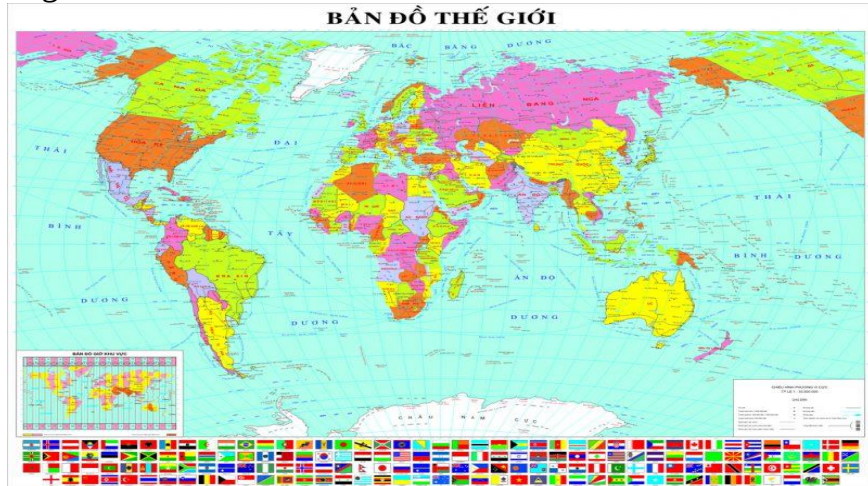
- Châu Phi: còn gọi là “Lục địa Đen”, châu lục nằm tiếp giáp với lục địa Á-Âu ở phía tây bắc, giáp Địa Trung Hải ở phía bắc, giáp ĐTD ở phía Tây và giáp ÁĐD ở phía Đông Nam. Lãnh thổ hình khối nằm ở trung tâm của bản đồ thế giới.
- Mỹ Latin: là khu vực bao gồm trung và nam mỹ (tính từ Mehico xuống phía nam)
- Tây Nam Á – Khu vực Tây Nam của Châu Á, ngã 3 của 3 châu lục Á – Âu – Phi.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- Trung Á: Bao gồm 6 quốc gia Tuocmenixtan, Udobekixtan, Taghikixtan, Curoguxtan, Cadacxtan và Mông Cổ.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1** GV cho HS quan sát bản đồ yêu cầu: xác định trên bản đồ vị trí của Châu Phi, Mỹ latin, Tây Nam Á và Trung Á?



- **Bước 2** HS thực hiện nhiệm vụ theo yêu cầu, chỉ từng khu vực.
- **Bước 3** HS trình bày xác định chỉ trên bản đồ thế giới, HS nhận xét
- **Bước 4** GV nhận xét bổ sung

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu vấn đề nổi bật của các khu vực, châu lục

a) **Mục tiêu:** thảo luận tìm kiếm những vấn đề cần quan tâm của châu lục và khu vực.

b) **Nội dung:** HS dựa vào SGK, hiểu biết thực tế

c) **Sản phẩm:** HS trình bày được một số vấn đề nổi bật của các khu vực, châu lục

I. Một số vấn đề của châu Phi

1. Một số vấn đề về tự nhiên:

- Khí hậu: khô, nóng.
- Cảnh quan đa dạng: rừng xích đạo và nhiệt đới ẩm, rừng cận nhiệt đới ẩm, rừng cận nhiệt đới khô, sa mạc, rừng lùn xavan, hoang mạc và bán hoang mạc.
- Cảnh quan chiếm ưu thế: hoang mạc và bán hoang mạc.
- Tài nguyên nổi bật:
 - + Khoáng sản: kim loại đen giàu có, kim loại màu: kim cương, vàng.
 - + Rừng chiếm diện tích khá lớn.
- Khai thác tài nguyên quá mức, môi trường bị tàn phá, hiện tượng hoang mạc hóa, ... đồng thời nguồn lợi nằm trong tay tư bản nước ngoài.

2. Một số vấn đề về dân cư và xã hội.

Vấn đề	Đặc điểm	Ảnh hưởng
1. Dân số	- Tỷ suất sinh cao, tỷ suất tử cao. - Tỷ suất GTTN cao nhất TG.	- Hạn chế sự PT kinh tế, giảm chất lượng cuộc sống, tàn phá MT
2. Mức sống	- Dưới mức trung bình của TG. - HDI rất thấp. - Tuổi thọ trung bình cũng thấp.	- Chất lượng nguồn lao động thấp. - Tổn thất lớn sức người, sức của. - Làm chậm sự phát triển.

3. Vấn đề khác	- Hủ tục, bệnh tật. - Xung đột sắc tộc.	
----------------	--	--

3. Một số vấn đề về kinh tế.

- Quy mô nền kinh tế nhỏ bé (1,9% GDP TG nhưng chiếm 13% dân số TG).
- Đa số các nước thuộc nhóm kém phát triển.

* Nguyên nhân.

- Sự kìm hãm của CN thực dân.
- Xung đột sắc tộc.
- Khả năng quản lý yếu kém của NN.

II. Một số vấn đề của Mĩ La Tinh

1. Tự nhiên

- Cảnh quan chủ yếu: rừng nhiệt đới ẩm và xavan cỏ.
- Khoáng sản đa dạng, chủ yếu là kim loại màu, kim loại quý và năng lượng.
- Tự nhiên giàu có tuy nhiên đại bộ phận dân cư không được hưởng nguồn lợi này.

2. Dân cư và xã hội.

- Chênh lệch giàu nghèo giữa các tầng lớp trong xã hội rất lớn.
- Tỷ lệ dân số sống dưới mức nghèo khổ chiếm 37 – 62% dân số.
- Tỷ lệ dân thành thị cao, tuy nhiên phần lớn sống trong điều kiện khó khăn.

3. Một số vấn đề về kinh tế.

- Nền kinh tế PT còn thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng, GDP thấp, dao động mạnh.
- Phần lớn các nước có tỷ lệ nợ nước ngoài rất cao.

* Nguyên nhân.

- Tình hình chính trị thiếu ổn định.
- Đầu tư nước ngoài vào giảm mạnh.
- Vấn đề quản lý của NN ...
- Xã hội chưa hợp lý, phụ thuộc nước ngoài.

* Biện pháp.

- Củng cố bộ máy nhà nước.
- PT giáo dục, cải cách kinh tế.
- Tiến hành CNH, mở cửa...

III. Đặc điểm của khu vực Tây Nam Á và Trung Á.

1. Tự nhiên và dân cư xã hội

	Tây Nam Á	Trung Á
- Vị trí địa lý.	- Vị trí tiếp giáp của 3 châu lục: Á, Âu, Phi. án ngữ trên đường hàng hải quốc tế Á → Âu.	- Nằm ở trung tâm của Châu Á, án ngữ trên đường tơ lụa.
- Ý nghĩa.	- Có vị trí chiến lược về kinh tế, giao thông, quân sự.	- Có vị trí chiến lược về kinh tế, quân sự.
- Đặc trưng tự nhiên.	- Khí hậu khô, hạn. - Giàu tài nguyên: dầu mỏ, khí đốt nhất TG.	- Khí hậu khô, hạn. - Khoáng sản đa dạng, đặc biệt là dầu khí.
- Đặc trưng xã hội.	- Cái nôi của ba tôn giáo lớn. - Đa số dân cư theo đạo Hồi	- Đa dân tộc. - Ở vị trí giao thoa của văn hóa

2. Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và Trung Á.

a. Vai trò cung cấp dầu mỏ.

- Tây Nam Á có SL khai thác dầu lớn nhất thế giới.
- Tây Nam Á và Trung Á là hai khu vực có sản lượng khai thác lớn hơn nhiều so với SL tiêu dùng dẫn tới cung cấp lượng dầu mỏ lớn trên thị trường thế giới (ước tính 16 nghìn thùng/ngày)

b. Xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- Tình hình chính trị - xã hội ở hai khu vực này không ổn định thường xuyên xảy ra xung đột sắc tộc, tôn giáo và nạn khủng bố gây hậu quả nặng nề về người và của:
 - + Xung đột giữa người Ả - Rập (Palestin) và người do thái (I - xra - en).
- * Giải pháp: Chấm dứt bạo lực, đối thoại thúc đẩy tiến trình hoà bình.
- + Sự hoạt động của các tổ chức chính trị, tôn giáo cực đoan; sự can thiệp của các thế lực bên ngoài và những lực lượng khủng bố đã gây nên sự bất ổn của khu vực, gia tăng tình trạng đói nghèo.
- * Giải pháp: Cần chống khủng bố, tạo sự ổn định để có điều kiện phát triển kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1:** GV cho HS làm theo cá nhân trình bày các vấn đề nổi bật của mỗi khu vực, châu lục. Chia học sinh thành 4 nhóm, mỗi nhóm 1 khu vực, tìm hiểu thực trạng vấn đề và nguyên nhân? Giải pháp?
- **Bước 2:** Các nhóm nhận và phân công nhiệm vụ theo cá nhân: nêu các tác động của vấn đề trên đến phát triển kinh tế - xã hội của mỗi khu vực, châu lục? Sau đó HS thảo luận theo nhóm về vấn đề khu vực, châu lục. HS nhận xét, bổ sung và đặt câu hỏi cho nhóm trình bày.
- **Bước 3:** Đại diện nhóm trình bày, HS nhóm khác tranh luận, nhóm trình bày giải đáp.
- **Bước 4:** Giáo viên nhận xét, bổ sung và chuẩn kiến thức.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục đích:** củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Lãnh thổ châu Phi đối xứng qua

A. xích đạo.

C. chí tuyến Nam.

B. chí tuyến Bắc.

D. kinh tuyến gốc.

Câu 2: Khu vực tập trung nhiều rừng rậm nhiệt đới ở châu Phi là

A. Bắc Phi.

C. Đông Phi.

B. Nam Phi.

D. Ven vịnh Ghinê.

Câu 3: Khó khăn lớn về tự nhiên của các nước Châu Phi đối với phát triển kinh tế là

A. khí hậu khô nóng.

C. nhiều thiên tai.

B. giảm diện tích rừng.

D. thiếu đất canh tác.

Câu 4: Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi chủ yếu mang lại lợi ích cho

A. các nước có tài nguyên.

C. công ty tư bản nước ngoài.

B. người lao động nghèo.

D. một nhóm người lao động.

Câu 5: Phần lớn lãnh thổ châu Phi có cảnh quan

A. hoang mạc, bán hoang mạc và xa van.

C. xa van, cây bụi gai và rừng nhiệt đới.

B. bán hoang mạc, xa van và cây bụi gai.

D. rừng nhiệt đới ẩm và bán hoang mạc.

Câu 6: Các loại tài nguyên đang bị khai thác mạnh ở châu Phi là

A. rừng và đất trồng.

C. đất trồng và nước.

B. nước và khoáng sản.

D. khoáng sản và rừng.

Câu 7: Diện tích đất đai bị hoang mạc hóa của châu Phi ngày càng tăng là do

A. khí hậu khô hạn.

C. quá trình xâm thực diễn ra mạnh mẽ.

B. rừng bị khai phá quá mức.

D. quá trình xói mòn, rửa trôi xảy ra mạnh.

Câu 8: Khoáng sản Đồng tập trung nhiều nhất ở vùng nào của châu Phi?

A. Bắc Phi.

B. Trung, Nam Phi.

C. Tây Phi.

D. Đông Phi.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS xem video, vận dụng hoặc liên hệ kiến thức đã học để thử đề xuất giải pháp nhằm giải quyết các vấn đề của châu lục và khu vực.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi: Em nghĩ gì về hành động của người thanh niên trong video? Đề xuất một vài giải pháp để giải quyết những vấn đề phức tạp của thế giới mà em quan tâm?

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu video, yêu cầu HS trả lời.

<https://www.youtube.com/watch?v=xpeMpofFxTc>



Quang Linh Vlogs - Tắm lòng chàng trai Việt với người dân Châu Phi (Bản Full) - Thời Sự VTV1

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác thêm ý kiến bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

Tuần 9.**TIẾT 9: ÔN TẬP GIỮA KỲ I****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

Khái quát, hệ thống hóa kiến thức đã học, bao gồm:

- Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.
- Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.
- Một số vấn đề mang tính toàn cầu.
- Một số vấn đề của châu lục và khu vực.

2. Năng lực:

- Năng lực tự học, giải quyết vấn đề, giao tiếp
- Vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí vào giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu/ bản đồ, biểu đồ, tranh ảnh, video.

2. Học sinh: SGK

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG**

a) Mục tiêu: HS nắm được cấu trúc đề kiểm tra.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân để đặt câu hỏi đối với những nội dung chưa rõ hoặc chưa hiểu.

I. Cấu trúc đề kiểm tra**1. Phần trắc nghiệm khách quan (7 điểm)**

STT	Nội dung	Số câu
1	Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.	05
2	Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.	05
3	Một số vấn đề mang tính toàn cầu.	05
4	Một số vấn đề của châu lục và khu vực	13

Lưu ý: phân kỹ năng được lồng ghép trong các nội dung nêu trên

2. Phần tự luận (3 điểm)

Một số vấn đề của châu lục và khu vực

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội và quá trình phát triển kinh tế ở Châu Phi.
- Đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội và quá trình phát triển kinh tế ở Mỹ la tinh.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu cấu trúc đề kiểm tra giữa kì. Yêu cầu HS rà soát lại kiến thức và đưa ra câu hỏi đối với những nội dung lí thuyết chưa nắm rõ hoặc chưa hiểu.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 5 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS đặt câu hỏi và yêu cầu các HS khác lắng nghe, trả lời, giải thích câu hỏi của bạn.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào hoạt động ôn tập.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

a) Mục tiêu: HS hệ thống lại kiến thức đã được học.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để hệ thống hóa kiến thức theo yêu cầu của GV.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành việc hệ thống hóa kiến thức theo nội dung GV hướng dẫn:

II. Nội dung ôn tập:

- Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.
- Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.
- Một số vấn đề mang tính toàn cầu.
- Một số vấn đề của châu Phi.
- Một số vấn đề của khu vực Mỹ La tinh.
- Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung kiến thức đã học bằng sơ đồ dưới sự hướng dẫn của GV và theo cấu trúc đề kiểm tra.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại và hệ thống hoá các kiến thức đã học.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi câu hỏi đại diện HS sẽ trả lời các HS khác nhận xét và bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là xuất hiện và phát triển nhanh chóng

A. công nghiệp điện tử.

B. công nghiệp dệt may.

C. công nghệ cao.

D. công nghiệp cơ khí.

Câu 2: Hậu quả lớn nhất của toàn cầu hoá kinh tế là

A. gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

B. tác động xấu đến môi trường xã hội.

C. làm ô nhiễm môi trường tự nhiên.

D. làm tăng cường các hoạt động tội phạm.

Câu 3: Loại khí thải nào đã làm tầng ô dôn mỏng dần?

A. O₃

B. CFCs

C. CO₂

D. N₂O

Câu 4: Nguyên nhân chủ yếu gây nên hiệu ứng nhà kính trên toàn thế giới là chất khí

A. CFCS

B. NO₂

C. CO₂

D. CH₄

Câu 5: Dầu khí là nguồn tài nguyên có giá trị quyết định đối với sự phát triển kinh tế của vùng

A. Bắc Phi.

B. Nam Phi.

C. Đông Phi.

D. Tây Phi

Câu 6: Nguyên nhân nào sau đây là chủ yếu làm cho cảnh quan hoang mạc phổ biến ở châu Phi?

A. Địa hình cao.

B. Khí hậu khô nóng.

C. Lục địa hình khối.

D. Dòng biển lạnh.

Câu 7: Mặc dù các nước Mỹ la tinh giành độc lập khá sớm nhưng nền kinh tế phát triển chậm không phải do

A. duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian dài.

B. các thế lực bảo thủ của thiên chúa giáo tiếp tục cản trở.

C. điều kiện tự nhiên khó khăn, tài nguyên thiên nhiên nghèo nàn.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

D. chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế - xã hội độc lập.

Câu 8: Biểu hiện rõ rệt của việc cải thiện tình hình kinh tế ở nhiều nước Mỹ La tinh là

A. giảm nợ nước ngoài, đẩy mạnh nhập khẩu.

B. xuất khẩu tăng nhanh, không chế được lạm phát.

C. công nghiệp phát triển, giảm nhanh xuất khẩu.

D. tổng thu nhập quốc dân ổn định, trả được nợ nước ngoài.

Câu 9: Hai con sông nổi tiếng nhất, gắn với nền văn minh Lưỡng Hà rực rỡ thời Cổ đại ở khu vực Tây Nam Á là

A. Ấn và Hằng.

B. Nin và Cônggô.

C. Hoàng Hà và Trường Giang.

D. Tigơ và Ophrát.

Câu 10: Tên gọi Mỹ Latinh được bắt nguồn từ nguyên nhân cơ bản nào?

A. Đặc điểm văn hoá và ngôn ngữ.

B. Từ sự phân chia của các nước lớn.

C. Do cách gọi của Côlômbô.

D. Đặc điểm ngôn ngữ và kinh tế.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

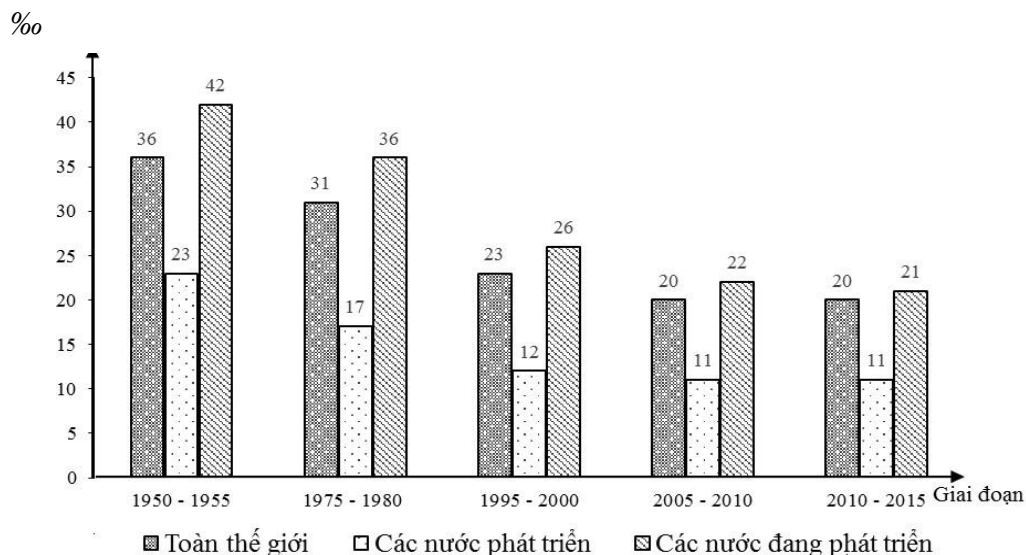
4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Hs vận dụng kiến thức, kỹ năng và năng lực đã học tập, rèn luyện được để trả lời các câu hỏi gắn với điều kiện thực tiễn của các khu vực và trên thế giới.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Cho biểu đồ:



TỈ SUẤT SINH THO CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC NHÓM NƯỚC

(Nguồn: Tổng hợp từ Niên giám thống kê Việt Nam, NXB Thống kê)

Theo biểu đồ, nhận xét nào sau đây **không** đúng với tỉ suất sinh thô của thế giới và các nhóm nước, thời kì 1950 - 2015?

A. Từ năm 2005, các nước phát triển và toàn thế giới ổn định.

B. Các nước phát triển, đang phát triển đều có xu hướng giảm.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- C. Các nước đang phát triển giảm nhiều hơn toàn thế giới.
D. Các nước phát triển giảm nhiều hơn các nước đang phát triển.
Câu 2: Sản xuất máy bay Bô-ing là kết quả của 650 công ty thuộc 30 nước. Điều này nói lên đặc điểm chủ yếu nào của thế giới hiện nay?
A. Có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.
B. Sự phân công lao động quốc tế ngày càng sâu và rộng.
C. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại có tác động sâu sắc.
D. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia ngày càng lớn.
Câu 3: Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2014
Phát triển	Phân Lan	0,2	0,2	0,1
	Pháp	0,4	0,4	0,2
	Nhật Bản	0,1	0,0	-0,2
	Thụy Điển	0,1	0,2	0,2
Đang phát triển	Mông Cổ	1,6	1,9	2,3
	Bô-li-vi-a	2,1	2,0	1,9
	Dăm-bi-a	1,9	2,5	3,4
	Ai Cập	2,0	2,1	2,6

- Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?
A. Các nước đang phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp và giảm dần
B. Các nước phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên rất thấp và có xu hướng tăng
C. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên các nước đang phát triển cao hơn các nước phát triển.
D. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của các nhóm nước là ổn định không biến động.
Câu 4: Nét tương đồng nổi bật nhất trong tình hình kinh tế - xã hội của Tây Nam Á và Trung Á là
A. khu vực đa tôn giáo, đa chủng tộc.
B. hội giáo cực đoan đang kiểm soát xã hội.
C. kinh tế dựa chủ yếu vào việc xuất khẩu khoáng sản.
D. thường xuyên có tranh chấp nên thiếu ổn định.
Câu 5: Để phát triển nông nghiệp, giải pháp cấp bách đối với đa số các quốc gia ở châu Phi là
A. tích cực mở rộng mô hình sản xuất quảng canh.
B. tiến hành khai hoang mở rộng diện tích đất trồng.
C. tạo ra các giống cây có khả năng chịu khô hạn.
D. áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế khô hạn.

- d) Tổ chức thực hiện:**
- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

Tuần 10.

TIẾT 10: KIỂM TRA GIỮA KỲ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.
- Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.
- Một số vấn đề mang tính toàn cầu.
- Một số vấn đề của châu Phi.
- Một số vấn đề của khu vực Mĩ La tinh.
- Một số vấn đề của khu vực Tây Nam Á và khu vực Trung Á.

2. Năng lực: Vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí vào giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Học sinh: Bút, thước kẻ, giấy nháp.

2. Giáo viên: Đề kiểm tra

III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA

Chủ đề/Mức độ nhận thức	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	Tổng
Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.	Biết được các đặc điểm về kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Sự ra đời của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.	Phân tích được những đặc điểm kinh tế - xã hội của các nhóm nước. Phân tích những đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại.	So sánh được các đặc điểm kinh tế - xã hội giữa các nhóm nước. Đánh giá được tác động của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại đối với kinh tế - xã hội.	Đánh giá xu hướng thay đổi đặc điểm kinh tế - xã hội của các nhóm nước.	
	02 câu TN 0,5 điểm	01 câu TN 0,25 điểm	01 câu TN 0,25 điểm	01 câu TN 0,25 điểm	05 câu TN 12,5% 1,25 điểm
Xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa kinh tế.	Biết được những biểu hiện của xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa.	Phân tích được những hệ quả của toàn cầu hóa, khu vực hóa.	Giải thích được nguyên nhân dẫn tới quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa.	Liên hệ thực tiễn của quá trình toàn cầu hóa, khu vực hóa.	
	02 câu TN 0,5 điểm	01 câu TN 0,25 điểm	01 câu TN 0,25 điểm	01 câu TN 0,25 điểm	05 câu TN 12,5% 1,25 điểm
Một số vấn đề mang tính toàn cầu	Nhớ được các biểu hiện của một số vấn đề	Hiểu được nguyên nhân của một số vấn		Lí giải được giải pháp giải quyết	

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

	mang tính toàn cầu	đề mang tính toàn cầu		một số vấn đề mang tính toàn cầu	
	Số câu: 01 TN Số điểm: 0,25	Số câu: 02 TN Số điểm: 0,5		Số câu: 02 TN Số điểm: 0,5	05 câu TN 12,5% 1,25 điểm
Một số vấn đề châu lục và khu vực	Biết các đặc điểm của tự nhiên, dân cư - xã hội và kinh tế Châu Phi, Mĩ la tinh, Tây Nam Á và Trung Á.		Phân tích được tác động của tự nhiên, dân cư - xã hội đối với kinh tế Châu Phi, Mĩ la tinh, Tây Nam Á và Trung Á. Đề xuất giải pháp.		
	Số câu: 07 TN + 01 câu TL Số điểm: 3,25		Số câu: 6 TN + 1 câu TL Số điểm: 3,0		13 câu TN 02 câu TL 62,5% 6,25 điểm
Tổng số	12 TN 01 TL 4,5điểm 45%	04 TN 1,0 điểm 10%	08 TN 01 TL 3,5 điểm 35%	04 TN 1,0 điểm 10%	28 câu TN 02 câu TL 10đ=100%

IV. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ SỐ 01

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Đặc trưng của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại là xuất hiện và phát triển nhanh chóng

A. công nghiệp điện tử.

B. công nghiệp dệt may.

C. công nghệ cao.

D. công nghiệp cơ khí.

Câu 2: Các nước phát triển có đặc điểm gì?

A. GDP bình quân đầu người cao, chỉ số HDI thấp.

B. Đầu tư ra nước ngoài ít, chỉ số HDI cao.

C. GDP bình quân đầu người thấp, chỉ số HDI thấp.

D. Đầu tư nước ngoài nhiều, chỉ số HDI cao.

Câu 3: Ngành công nghiệp nào sau đây là tiền đề của tiến bộ khoa học - kĩ thuật?

A. Điện tử.

B. Năng lượng.

C. Dệt - may.

D. Thực phẩm.

Câu 4: Điểm khác biệt trong cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của nhóm nước phát triển so với nhóm nước đang phát triển là

A. tỉ trọng khu vực III rất cao.

B. tỉ trọng khu vực II rất thấp.

C. tỉ trọng khu vực I còn cao.

D. tỉ trọng khu vực III thấp.

Câu 5: Xu hướng thay đổi cơ cấu công nghiệp của nước đang phát triển là

A. áp dụng khoa học công nghệ hiện đại vào sản xuất.

B. tạo ra khối lượng sản phẩm công nghiệp lớn.

C. tạo ra khối lượng sản phẩm công nghiệp với chất lượng cao.

D. đẩy mạnh phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn hướng ra xuất khẩu.

Câu 6: Vai trò to lớn của Tổ chức thương mại thế giới là

A. củng cố thị nền kinh tế toàn cầu

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

B. tăng cường liên kết các khối kinh tế.

C. thúc đẩy tự do hóa thương mại.

D. giải quyết xung đột giữa các nước.

Câu 7: Các công ty đa quốc gia có đặc điểm nào sau đây?

A. Số lượng có xu hướng ngày càng giảm.

B. Nằm trong tay nguồn của cải vật chất rất lớn.

C. Chi phối hoạt động chính trị của nhiều nước.

D. Phạm vi hoạt động chỉ trong một khu vực.

Câu 8: Toàn cầu hóa và khu vực hóa là xu hướng tất yếu, dẫn đến

A. sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các nền kinh tế.

B. sự liên kết giữa các nước phát triển với nhau

C. các nước đang phát triển gặp nhiều khó khăn.

D. ít phụ thuộc lẫn nhau hơn giữa các nền kinh tế.

Câu 9: Các tổ chức liên kết kinh tế khu vực vừa hợp tác, vừa cạnh tranh không phải để

A. thúc đẩy tăng trưởng và phát triển kinh tế.

B. tăng cường đầu tư dịch vụ giữa các khu vực.

C. hạn chế khả năng tự do hóa thương mại.

D. bảo vệ lợi ích kinh tế các nước thành viên.

Câu 10: Sản xuất máy bay Bô - ing là kết quả của 650 công ty thuộc 30 nước. Điều này nói lên đặc điểm chủ yếu nào của thế giới hiện nay?

A. Có sự phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia.

B. Sự phân công lao động quốc tế ngày càng sâu và rộng.

C. Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại có tác động sâu sắc.

D. Vai trò của các công ty xuyên quốc gia ngày càng lớn.

Câu 11: Vấn đề dân số cần giải quyết ở các nước đang phát triển hiện nay là

A. bùng nổ dân số.

B. già hoá dân số.

C. tỉ lệ dân thành thị cao.

D. phân hoá giàu nghèo rõ nét.

Câu 12: Loại khí thải nào đã làm tầng ô dôn mỏng dần?

A. O₃

B. CFCs

C. CO₂

D. N₂O

Câu 13: Nguyên nhân chủ yếu ô nhiễm nguồn nước ngọt hiện nay là

A. chặt phá rừng bừa bãi.

B. dân số tăng nhanh.

C. các sự cố đắm tàu, rửa tàu, tràn dầu.

D. chất thải chưa được xử lý đổ ra sông, hồ.

Câu 14: Cho bảng số liệu:

TỈ SUẤT GIA TĂNG DÂN SỐ TỰ NHIÊN CỦA MỘT SỐ NƯỚC
TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: %)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2014
Phát triển	Phần Lan	0,2	0,2	0,1
	Pháp	0,4	0,4	0,2
	Nhật Bản	0,1	0,0	- 0,2
	Thụy Điển	0,1	0,2	0,2
Đang phát triển	Mông Cổ	1,6	1,9	2,3
	Bô - li - vi - a	2,1	2,0	1,9
	Dăm - bi - a	1,9	2,5	3,4
	Ai Cập	2,0	2,1	2,6

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

A. Các nước đang phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên thấp và giảm dần

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- B.** Các nước phát triển có tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên rất thấp và có xu hướng tăng
C. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên các nước đang phát triển cao hơn các nước phát triển.
D. Tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên của các nhóm nước là ổn định không biến động.

Câu 15: Biện pháp nhằm làm cân bằng giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường tự nhiên và giải quyết các vấn đề xã hội mà nhân loại đang hướng tới là

- A.** Phát triển theo chiều rộng. **B.** Phát triển theo chiều sâu.
C. Phát triển nhanh. **D.** Phát triển bền vững.

Câu 16: Lãnh thổ châu Phi đối xứng qua

- A.** xích đạo. **B.** chí tuyến Bắc.
C. chí tuyến Nam. **D.** kinh tuyến gốc.

Câu 17: Khu vực tập trung nhiều rừng rậm nhiệt đới ở châu Phi là

- A.** Bắc Phi. **B.** Nam Phi.
C. Đông Phi. **D.** Ven vịnh Ghinê.

Câu 18: Mĩ Latinh không có kiểu cảnh quan nào sau đây?

- A.** Xích đạo. **B.** Nhiệt đới.
C. Ôn đới. **D.** Hàn đới.

Câu 19: Tôn giáo phổ biến ở Mĩ Latinh hiện nay là

- A.** Đạo Kitô. **B.** Đạo Tin lành.
C. Đạo Hồi. **D.** Đạo Phật.

Câu 20: Quốc gia ở Tây Nam Á có sản lượng khai thác dầu mỏ lớn nhất thế giới là

- A.** Iran. **B.** Irắc.
C. Côoét. **D.** Arập Xêút

Câu 21: Tài nguyên nào sau đây hiện đang bị khai thác mạnh ở châu Phi?

- A.** Khoáng sản và thủy sản. **B.** Khoáng sản và rừng.
C. Rừng và thủy sản. **D.** Đất, rừng và thủy sản.

Câu 22: Mĩ la tinh có điều kiện thuận lợi để phát triển

- A.** cây công nghiệp, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc.
B. cây công nghiệp, cây lương thực, chăn nuôi gia đại gia súc.
C. cây lương thực, cây ăn quả nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.
D. cây lương thực, cây công nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi gia súc nhỏ.

Câu 23: Điểm khác biệt cơ bản về kinh tế - xã hội của các nước Mĩ La Tinh so với các nước châu Phi là

- A.** khai khoáng và trồng cây công nghiệp để xuất khẩu.
B. dân số tăng nhanh.
C. xung đột sắc tộc gay gắt và thường xuyên.
D. nợ nước ngoài quá lớn.

Câu 24: Điểm khác biệt về kinh tế - xã hội giữa các nước Trung Á và Tây Nam Á là

- A.** chịu ảnh hưởng của Hồi giáo.
B. có vị trí địa chiến lược quan trọng
C. nguồn dầu mỏ phong phú.
D. có khả năng phát triển ngành nông nghiệp.

Câu 25: Vốn đầu tư nước ngoài vào Mĩ La tinh giảm mạnh từ sau năm 1985 do nguyên nhân chủ yếu nào?

- A.** Xảy ra xung đột sắc tộc, tôn giáo.
B. Tình hình chính trị không ổn định.
C. Xảy ra nhiều thiên tai, kinh tế suy thoái.
D. Chính sách thu hút đầu tư không phù hợp.

Câu 26: Điểm giống nhau về mặt xã hội của khu vực Tây Nam Á và Trung Á là

- A.** đông dân và gia tăng dân số còn cao.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

B. xung đột sắc tộc, tôn giáo và khủng bố.

C. phần lớn dân cư theo đạo Hin du.

D. phần lớn dân số sống theo đạo Ki - tô.

Câu 27: Nguyên nhân nào sau đây làm cho Tây Nam Á luôn trở thành “điểm nóng” của thế giới?

A. Xung đột quân sự, sắc tộc, tôn giáo kéo dài.

B. Tình trạng cạnh tranh trong sản xuất dầu khí.

C. Khu vực thường xuyên mất mùa, đói kém.

D. Điều kiện khí hậu ở đây nóng và khô hơn.

Câu 28: Các nước Mĩ La tinh nằm giữa hai đại dương là

A. Đại Tây Dương và Ấn Độ Dương.

B. Thái Bình Dương và Ấn Độ Dương.

C. Đại Tây Dương và Bắc Băng Dương.

D. Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.

B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Trình bày những nét chính về dân cư và xã hội Châu Phi.

Câu 2 (1,5 điểm): Các nước Châu Phi cần có giải pháp gì để khắc phục khó khăn trong quá trình khai thác, bảo vệ tài nguyên?

ĐỀ SỐ 02

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Một số nước và vùng lãnh thổ đã trải qua quá trình công nghiệp hóa và đạt được trình độ nhất định về công nghiệp gọi chung là các nước

A. công nghiệp mới.

B. phát triển.

C. công nghiệp.

D. đang phát triển.

Câu 2: Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại diễn ra vào

A. nửa sau thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX.

B. cuối thế kỷ XVIII.

C. cuối thế kỷ XX đầu thế kỷ XXI.

D. từ đầu thế kỷ XXI.

Câu 3: Nghiên cứu sử dụng các vi mạch, chip điện tử có tốc độ cao, kỹ thuật số hóa thuộc lĩnh vực công nghệ nào dưới đây?

A. Sinh học.

B. Vật liệu.

C. Năng lượng.

D. Thông tin.

Câu 4: Ở các nước đang phát triển, ngành nông nghiệp thu hút nhiều lao động nhưng lại chiếm tỉ trọng nhỏ trong cơ cấu GDP là do

A. dân số đông và tăng nhanh.

B. truyền thống sản xuất lâu đời.

C. trình độ phát triển kinh tế thấp.

D. kỹ thuật canh tác lạc hậu.

Câu 5: Ở các nước phát triển, nông nghiệp là loại hình sản xuất mang đặc điểm

A. sử dụng ít lao động nhưng có tỉ lệ đóng góp vào GDP cao.

B. sử dụng nhiều lao động và có tỉ lệ đóng góp vào GDP cao.

C. sử dụng ít lao động và có tỉ lệ đóng góp vào GDP nhỏ.

D. sử dụng nhiều lao động nhưng có tỉ đóng góp vào GDP nhỏ.

Câu 6: Tổ chức thương mại thế giới WTO ra đời có vai trò lớn trong việc

A. thúc đẩy tự do hóa thương mại.

B. thúc đẩy hoạt động liên kết vùng.

C. gắn kết hoạt động tín dụng quốc tế.

D. tăng trưởng dịch vụ viễn thông.

Câu 7: Toàn cầu hóa kinh tế **không** có biểu hiện nào sau đây?

A. Thương mại quốc tế phát triển mạnh.

B. Đầu tư nước ngoài tăng trưởng nhanh.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

C. Các tổ chức liên kết khu vực ra đời.

D. Thị trường tài chính quốc tế mở rộng.

Câu 8: Hậu quả lớn nhất của toàn cầu hoá kinh tế là

A. gia tăng khoảng cách giàu nghèo.

B. tác động xấu đến môi trường xã hội.

C. làm ô nhiễm môi trường tự nhiên.

D. làm tăng cường các hoạt động tội phạm.

Câu 9: Động lực cơ bản thúc đẩy sự tăng trưởng và phát triển kinh tế của Diễn đàn hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) là

A. sự hình thành thị trường thống nhất trong khu vực.

B. các nước thành viên đều tham gia vào WTO.

C. sự tự do hoá đầu tư dịch vụ trong khu vực.

D. sự hợp tác và cạnh tranh giữa các thành viên.

Câu 10: Sự kiện quốc tế nào diễn ra tại TP Đà Nẵng vào tháng 11/2017?

A. Tuần lễ cấp cao APEC.

B. Hội nghị bộ trưởng ASEAN.

C. Cuộc thi hoa hậu toàn cầu.

D. Đại hội thể thao Đông Nam Á.

Câu 11: Ngành nào đã đưa khí thải vào khí quyển nhiều nhất?

A. Nông nghiệp.

B. Công nghiệp.

C. Xây dựng.

D. Dịch vụ.

Câu 12: Nguyên nhân chủ yếu gây nên hiệu ứng nhà kính trên toàn thế giới là chất khí

A. CFCS

B. NO₂

C. CO₂

D. CH₄

Câu 13: Vấn đề dân số cần giải quyết ở các nước phát triển hiện nay là

A. bùng nổ dân số.

B. già hoá dân số.

C. tỉ lệ dân thành thị cao.

D. phân hoá giàu nghèo.

Câu 14: Để giải quyết các vấn đề mang tính toàn cầu cần sự hợp tác giữa

A. các quốc gia trên thế giới.

B. các quốc gia phát triển.

C. các quốc gia đang phát triển.

D. một số cường quốc kinh tế.

Câu 15: Cho bảng số liệu:

TUỔI THỌ TRUNG BÌNH CỦA MỘT SỐ NƯỚC
TRÊN THẾ GIỚI QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: tuổi)

Nhóm nước	Nước	Năm 2005	Năm 2010	Năm 2014
Phát triển	Ca - na - đa	80	81	81
	Nhật Bản	82	83	83
	Phần Lan	79	80	81
Đang phát triển	Mô - dăm - bích	42	48	53
	Ha - i - ti	52	61	63
	In - đô - nê - xi - a	68	71	71
Thế giới	-	67	69	71

Nhận xét nào sau đây đúng với bảng số liệu trên?

A. Các nước phát triển có tuổi thọ trung bình tăng nhanh hơn các nước đang phát triển

B. Các nước đang phát triển có tuổi thọ trung bình tăng chậm hơn các nước phát triển

C. Các nước đang phát triển, tuổi thọ trung bình của người dân không tăng

D. Tuổi thọ trung bình của dân số thế giới ngày càng tăng

Câu 16: Dầu khí là nguồn tài nguyên có giá trị quyết định đối với sự phát triển kinh tế của vùng

A. Bắc Phi.

B. Nam Phi.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

C. Đông Phi.

D. Tây Phi

Câu 17: Vùng núi lớn nhất ở Mỹ Latinh là

A. Andét.

B. Anpơ.

C. Antai.

D. Coođie.

Câu 18: Quốc gia nào sau đây **không** thuộc khu vực Tây Nam Á?

A. Ca - đắc - xtan.

B. Ả - rập - Xê út.

C. Ba - ranh.

D. Ca - ta.

Câu 19: Việc khai thác khoáng sản ở châu Phi chủ yếu mang lại lợi ích cho

A. các nước có tài nguyên.

B. người lao động nghèo.

C. công ty tư bản nước ngoài.

D. một nhóm người lao động.

Câu 20: Nhận xét nào đúng về vị trí địa lí của Mỹ La tinh?

A. Nằm giữa Thái Bình Dương và Đại Tây Dương.

B. Phía Tây tiếp giáp Đại Tây Dương.

C. Nằm giữa Ấn Độ Dương và Thái Bình Dương.

D. Phía Đông giáp Thái Bình Dương.

Câu 21: Ở Mỹ La tinh, rừng rậm xích đạo và nhiệt đới ẩm tập trung chủ yếu ở vùng nào?

A. Đồng bằng A - ma - zon.

B. Đồng bằng Pam - pa.

C. Vùng núi An - đét.

D. Đồng bằng La Pla - ta.

Câu 22: Phần lớn lãnh thổ châu Phi có cảnh quan

A. hoang mạc, bán hoang mạc và xa van.

B. bán hoang mạc, xa van và cây bụi gai.

C. xa van, cây bụi gai và rừng nhiệt đới.

D. rừng nhiệt đới ẩm và bán hoang mạc.

Câu 23: Các loại tài nguyên đang bị khai thác mạnh ở châu Phi là

A. rừng và đất trồng.

B. nước và khoáng sản.

C. đất trồng và nước.

D. khoáng sản và rừng.

Câu 24: Dân cư Mỹ la tinh có đặc điểm nào dưới đây?

A. Gia tăng dân số thấp.

B. Tỷ suất nhập cư lớn

C. Tỷ lệ dân thành thị cao.

D. Dân số đang trẻ hóa.

Câu 25: Sản phẩm nông nghiệp nổi tiếng của Mỹ Latinh là

A. cây lương thực.

B. cây công nghiệp.

C. cây thực phẩm.

D. các loại gia súc.

Câu 26: ở Tây Nam Á, yếu tố tinh thần có ảnh hưởng bao trùm đến toàn bộ đời sống kinh tế, chính trị và xã hội của khu vực là

A. Văn học.

B. Nghệ thuật.

C. Tôn giáo.

D. Bóng đá.

Câu 27: Vấn đề kinh tế - xã hội còn tồn tại lớn nhất ở các nước Mỹ La tinh hiện nay là

A. tình trạng đô thị hóa tự phát.

B. xung đột về sắc tộc, tôn giáo.

C. sự phân hóa giàu nghèo rất sâu sắc.

D. sự suy giảm nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 28: Điểm khác biệt cơ bản về kinh tế - xã hội của các nước châu Phi so với các nước Mỹ Latinh là

A. nợ nước ngoài lớn.

B. xung đột sắc tộc thường xuyên.

C. khai khoáng và trồng cây công nghiệp để xuất khẩu.

D. dân số tăng nhanh, đô thị hoá gay gắt.

B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

Câu 1 (1,5 điểm): Trình bày những nét chính về dân cư và xã hội Mĩ la tinh.

Câu 2 (1,5 điểm): Vì sao kinh tế Mĩ la tinh phát triển không ổn định?

-----hết-----

V. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ SỐ 01

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
ĐA	C	D	B	A	D	C	B	A	C	D	A	B	D	C
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
ĐA	D	A	D	D	A	D	B	A	D	D	B	B	A	D

B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
1	Đặc điểm dân cư và xã hội Châu Phi	1,5
	- Đông dân và tăng nhanh (d/c)	0,25
	- Tuổi thọ trung bình thấp...	0,25
	- Trình độ dân trí thấp...	0,25
	- Bệnh tật, xung đột sắc tộc thường xuyên xảy ra.	0,25
	- Mức sống thấp, chỉ số HDI thấp.	0,25
	- Các vấn đề khác...	0,25
2	Giải pháp để Châu Phi khắc phục khó khăn trong quá trình khai thác, bảo vệ tài nguyên	1,5
	- Khai thác, sử dụng hợp lý TNTN.	0,25
	- Áp dụng các biện pháp thủy lợi để hạn chế sự khô hạn.	0,25
	- Tăng cường sự ủng hộ, giúp đỡ của thế giới.	0,25
	- Áp dụng tiến bộ KH - KT...	0,25
	- Phát triển giáo dục, nâng cao dân trí...	0,25
	- Các giải pháp khác...	0,25

ĐỀ SỐ 02

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
ĐA	A	C	D	C	C	A	C	A	D	A	B	C	B	A
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
ĐA	D	A	A	A	C	A	A	A	D	C	B	C	A	B

B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
1	Trình bày những nét chính về dân cư và xã hội Mĩ la tinh.	1,5
	- Tỷ lệ người nghèo cao.	0,25
	- Chênh lệch giàu nghèo lớn.	0,25
	- Tỷ lệ dân thành thị cao.	0,25
	- Đô thị hóa tự phát diễn ra rất mạnh.	0,25
	- Xã hội có nhiều bất ổn.	0,25
	- Các vấn đề khác.	0,25
2	Nguyên nhân khiến kinh tế Mĩ La Tinh phát triển không ổn định	1,5
	- Do phụ thuộc vào tư bản nước ngoài.	0,25
	- Duy trì cơ cấu xã hội phong kiến trong thời gian quá dài.	0,25
	- Sự bảo thủ của các thế lực Thiên chúa giáo.	0,25

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

	- Chưa xây dựng được đường lối phát triển kinh tế - xã hội độc lập, tự chủ.	0,25
	- Do tình hình chính trị - xã hội không ổn định.	0,25
	- Các nguyên nhân khác...	0,25

PHẦN 2: ĐỊA LÝ KHU VỰC VÀ QUỐC GIA

Tuần 11,12,13.

Chủ đề: §11+12+13- Bài 6: HỢP CHÚNG QUỐC HOA KỲ

Xác định vấn đề cần giải quyết

- Hoa Kỳ là một cường quốc kinh tế khoa học kỹ thuật trên thế giới. Đất nước này có nhiều điều kiện rất thuận lợi trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.

- Mỗi điều kiện đều có ảnh hưởng đến sự phát triển của Hoa Kỳ, mỗi ngành chịu tác động đồng thời của nhiều điều kiện.

- Sự sắp xếp nội dung các tiết dạy theo SGK là theo lần lượt tự nhiên, dân cư-xã hội, kinh tế và theo từng tiết học. Vì vậy sắp lại thành một bài học tạo điều kiện cho việc tổ chức các hoạt động học nối tiếp thành một chuỗi ,đồng thời học sinh được luyện tập,củng cố kiến thức,kĩ năng tốt hơn.

Nội dung bài học :

- Tự nhiên và dân cư

- *Kinh tế*

- Sự phân hóa lãnh thổ

I. MỤC TIÊU.

1. Kiến thức:

- Biết được các đặc điểm về vị trí địa lý, phạm vi lãnh thổ của Hoa Kỳ.

- Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên của từng vùng.

- Đặc điểm dân cư của Hoa Kỳ và ảnh hưởng của nó đối với phát triển kinh tế.

- Biết được Hoa Kỳ có nền kinh tế quy mô lớn và đặc điểm các ngành kinh tế; dịch vụ, nông nghiệp và công nghiệp.

- Nhận thức được các xu hướng thay đổi cơ cấu ngành, cơ cấu lãnh thổ và nguyên nhân của sự thay đổi đó.

-Xác định trên bản đồ các nông sản và sản phẩm công nghiệp

2. Năng lực:

- Năng lực tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề

- Sử dụng công cụ địa lí: bản đồ, hình ảnh, số liệu, biểu đồ..... để đọc được bản đồ, xác định vị trí, lãnh thổ, các sản phẩm nông nghiệp, công nghiệp: phân tích sự phát triển kinh tế

3. Phẩm chất:

- Sống có trách nhiệm, chăm chỉ

- Sống nhân ái, khoan dung, tôn trọng sự khác biệt các dân tộc, văn hóa ...

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu/ SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, video.

2.Học sinh: SGK, Atlat.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS gọi nhớ lại những kiến thức về vị trí địa lí, đặc điểm tự nhiên của Hoa Kỳ đã học ở bậc THCS. Tìm ra những nội dung HS chưa biết, để từ đó bổ sung và khắc sâu những kiến thức của bài học cho HS.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) **Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chiếu một số hình ảnh về tiêu biểu về đất nước Hoa Kỳ. Dựa vào một số hình ảnh được quan sát hãy cho biết những bức ảnh đó đang nói về đất nước



GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

nào? <https://www.google.com/search?q=HOA+K%E1%BB%B2>

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

2.HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu đặc điểm về lãnh thổ và vị trí địa lý

- a) **Mục tiêu:** HS biết được vị trí, phạm vi lãnh thổ Hoa Kỳ. Sử dụng bản đồ để xác định vị trí, phạm vi lãnh thổ của Hoa Kỳ.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Lãnh thổ và vị trí địa lý.

1. Lãnh thổ.

- Gồm 3 bộ phận:
 - + Phần trung tâm lục địa Bắc Mỹ.
 - + Bán đảo Alasca ở Tây Bắc.
 - + Quần đảo Haoai giữa TBD.
- Phần trung tâm lục địa Bắc Mỹ là bộ phận lớn nhất.
 - + diện tích rộng, thiên nhiên phân hóa đa dạng theo B – N, Đ – T.
 - + hình dạng khá cân đối.

2. Vị trí địa lý:

- + Đặc điểm:
 - Nằm ở bán cầu Tây, kéo dài $25^{\circ}\text{B} \rightarrow 44^{\circ}\text{B}$.
 - Nằm giữa 2 đại dương lớn.
 - Tiếp giáp: Canada và gần các nước Mỹ La Tinh
- + Thuận lợi:
 - Khi nền KT tư bản ra đời có sẵn thị trường lớn, không bị các nước tư bản cũ cạnh tranh.
 - Trong 2 cuộc đại chiến TG, đất nước không bị tàn phá mà còn thu lợi.
 - Vị trí thuận lợi cho giao lưu, mở rộng thị trường phát triển kinh tế biển ...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:
 - + Câu hỏi 1: Sử dụng bản đồ, xác định lãnh thổ và vị trí địa lý của Hoa Kỳ?
 - + Câu hỏi 2: Vị trí địa lý có thuận lợi gì để phát triển kinh tế?
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
 - + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**
 - + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
 - + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu đặc điểm về ĐKTN

- a) **Mục tiêu:** Trình bày được đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và phân tích được thuận lợi, khó khăn của chúng đối với sự phát triển kinh tế. HS sử dụng bản đồ Hoa Kỳ để phân tích đặc điểm địa hình và sự phân bố khoáng sản, phân tích tư liệu về đặc điểm tự nhiên.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Điều kiện tự nhiên

1. Phần lãnh thổ trung tâm Bắc Mỹ

Đặc điểm tự nhiên	Tây	Trung tâm	Đông
Địa hình, đất đai	Các dãy núi trẻ cao, theo hướng bắc - nam, xen giữa là bồn địa, cao nguyên Ven Thái Bình dương có đồng bằng nhỏ	Phía bắc là gò đồi thấp, phía nam là đồng bằng phù sa màu mỡ	Núi trung bình, sườn thoải, nhiều thung lũng cắt ngang Đồng bằng phù sa ven biển rộng màu mỡ
Sông ngòi	Nguồn thủy năng phong phú	Hệ thống sông Mit - xi - xi - pi	Nguồn thủy năng phong phú
Khí hậu	Ven biển: cận nhiệt và ôn đới hải dương Nội địa: hoang mạc và bán hoang mạc	Phía bắc: ôn đới Phía nam: cận nhiệt	Cận nhiệt và ôn đới hải dương
Khoáng sản	Kim loại màu	Phía bắc: than, sắt Phía nam: dầu khí	Than, sắt
Giá trị KT	- CN luyện kim màu, năng lượng - Chăn nuôi	- Thuận lợi trồng trọt - CN luyện kim đen, năng lượng	- Thuận lợi trồng trọt - CN luyện kim đen, năng lượng

2. A - la - xca và Haoai

- A - la - xca: đồi núi, giàu có về dầu khí

- Haoai: nằm giữa Thái Bình Dương, phát triển du lịch và hải sản.

* Tích hợp SD năng lượng tiết kiệm, hiệu quả: Hoa Kỳ rất giàu TN năng lượng (KS: dầu mỏ, tiềm năng thủy điện...) nhưng DS đông, kinh tế phát triển nên nhu cầu NL lớn. Vấn đề NL cũng là VĐ lớn của HK.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành phiếu học tập:

PHIẾU HỌC TẬP

Đặc điểm tự nhiên	Tây	Trung tâm	Đông
Địa hình, đất đai			
Sông ngòi			
Khí hậu			
Khoáng sản			
Giá trị KT			

+ Nhóm 1: tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên của miền Tây

+ Nhóm 2: tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên của vùng trung tâm

+ Nhóm 3: tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên của miền đông

+ Nhóm 4: tìm hiểu các đặc điểm tự nhiên của bán đảo Alaxca và quần đảo Ha - oai

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

Hoạt động 2.3. Tìm hiểu đặc điểm về dân cư

- a) **Mục tiêu:** HS phân tích được đặc điểm dân cư và ảnh hưởng của dân cư tới phát triển kinh tế.
b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. Dân cư:

1. Gia tăng dân số:

- Dân số tăng nhanh, đặc biệt vào nửa cuối TK XIX.
- Dân số đang già hóa.
- Tuổi thọ trung bình tăng.

2. Thành phần dân cư.

- Đa dạng, phức tạp.
- Gốc Âu: 83% dân số

3. Phân bố dân cư:

- Phân bố không đều:
 - + Tập trung ở các thành phố.
 - + Đông ở ven bờ Đại Tây Dương, Thái Bình Dương
 - + Thưa ở vùng núi phía Tây, vùng trung tâm.
- Xu hướng: di chuyển từ ĐB đến phía Nam ven ĐTD.
- Nguyên nhân: do tác động của nhiều nhân tố như khí hậu, khoáng sản, lịch sử khai phá, trình độ phát triển kinh tế ...

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:
 - + Dựa vào bảng 6.1/39, nhận xét sự gia tăng dân số của Hoa Kỳ?
 - + Dựa vào nội dung SGK/39 tìm hiểu thành phần dân cư.
 - + Dựa vào nội dung SGK/40 và hình 6.3, nhận xét phân bố dân cư?
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.
 - + HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**
 - + GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.
 - + Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

2.4. Hoạt động. Tìm hiểu về kinh tế Hoa Kỳ

- a) **Mục đích:** HS trình bày được đặc điểm kinh tế. Biết phân tích bảng số liệu, tư liệu về đặc điểm tự nhiên, dân cư, kinh tế Hoa Kỳ, Cập nhật những số liệu mới nhất về nền kinh tế Hoa Kỳ.
b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

IV. Kinh tế

1. Quy mô nền kinh tế

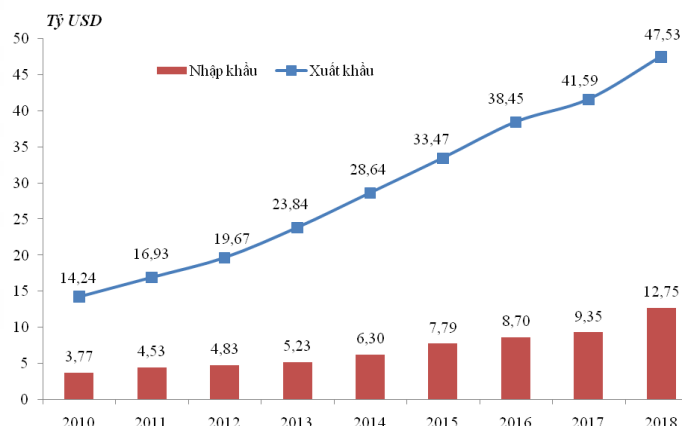
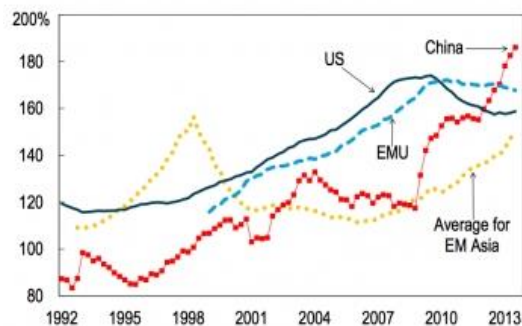
- Quy mô GDP lớn nhất thế giới, chiếm 28,5% GDP thế giới, lớn hơn GDP của Châu Á, gấp hơn 14 lần GDP của Châu Phi.
- Nguyên nhân:
 - + TNTN đa dạng, trữ lượng lớn, dễ được khai thác.
 - + Lao động dồi dào, Hoa Kỳ không tốn chi phí đào tạo.
 - + Trong hai cuộc đại chiến không bị tàn phá, lại thu lợi.

2. Các ngành kinh tế:

Ngành	Đặc điểm chủ yếu
1. Dịch vụ.	- Tại sao giá trị lớn nhất, chiếm 79,4% GDP (2004). - Đa dạng, phạm vi hoạt động trên toàn TG: + Ngoại thương: 12% TG. + GTVT: hiện đại nhất TG. + Tài chính, TTLL, du lịch phát triển vượt bậc.
2. Công nghiệp.	- Tạo hàng XK chủ yếu. - Tỉ trọng chiếm 19,7% GDP (2004). - CNCB: 84,2% giá trị hàng XK và thu hút 40 triệu lao động. - Cơ cấu giá trị SLCN có sự thay đổi giữa các ngành. - Có sự phân hóa giữa các vùng. + Vùng Đông Bắc: CN truyền thống, tỉ trọng giảm. + Vùng phía Nam và ven TBD: CN hiện đại, tỉ trọng tăng.
3. Nông nghiệp.	- Có nền NN đứng đầu TG, chiếm 0,9% GDP (2004). - SXNN mang tính hàng hóa cao. - XK nhiều nông sản nhất TG. - Cơ cấu NN có sự chuyển dịch: tỉ trọng DVNN tăng. - SX: hình thức trang trại. - SXNN có sự phân hóa giữa các vùng.

<https://www.google.com/search?q=kinh+t%E1%BA%BF+hoa+k%E1%BB%B3>

Figure 8. Selected Countries — Private Sector Debt as Pct GDP, 1992-2013



d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 6 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Dựa vào bảng 6.3, bản đồ, hình ảnh, tài liệu tham khảo... cho biết đặc điểm quy mô nền kinh tế và các ngành kinh tế của Hoa Kỳ?

+ Tra cứu thông tin, cập nhật những số liệu mới nhất về nền kinh tế Hoa Kỳ.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 10 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

a) **Mục tiêu:** củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

Vùng	Vùng Đông Bắc	Vùng phía Nam	Vùng phía Tây
Các ngành CN truyền thống	Hoá chất, thực phẩm, luyện kim, đóng tàu, dệt, cơ khí.	Đóng tàu, thực phẩm, dệt, cơ khí	Đóng tàu, luyện kim màu, cơ khí
Các ngành CN hiện đại	Điện tử viễn thông, sản xuất ô tô.	Chế tạo máy bay, tên lửa vũ trụ, hoá dầu, điện tử viễn thông, sản xuất ô tô.	Điện tử, viễn thông, chế tạo máy bay, sản xuất ô tô

d) **Tổ chức thực hiện**

- **Bước 1** GV cho HS dựa vào kiến thức đã học, bản đồ

PHIẾU HỌC TẬP

Vùng	Đông Bắc	Phía Nam	Phía Tây
Các ngành công nghiệp truyền thống			
Các ngành công nghiệp hiện đại			

- **Bước 2** HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân/cặp

- **Bước 3** HS trình bày, HS bổ sung

- **Bước 4** GV nhận xét

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng hoặc liên hệ kiến thức để phân tích được các điều kiện ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp Hoa Kỳ.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

* Câu hỏi: Phân tích các điều kiện ảnh hưởng đến phát triển nông nghiệp Hoa Kỳ

* Trả lời câu hỏi:

+ Điều kiện tự nhiên thuận lợi và kỹ thuật tiên tiến. có tỉ lệ lao động trong nông nghiệp rất thấp nhưng sản xuất ra khối lượng nông sản rất lớn.

+ Có diện tích đất nông nghiệp lớn, nhờ đó đã phát triển được nền nông nghiệp hàng hoá với quy mô lớn.

+ Các trung tâm khoa học hỗ trợ đắc lực cho việc tăng năng suất cây trồng và vật nuôi, công nghệ sinh học được ứng dụng mạnh mẽ trong sản xuất nông nghiệp. Hoa Kỳ có số máy nông nghiệp đứng đầu thế giới, lượng phân bón sử dụng đạt 500 kg/ha.

+ Là nước xuất khẩu nông sản hàng đầu của thế giới.

+ nước đi đầu thực hiện cuộc Cách mạng xanh, đảm bảo được lương thực trong nước

- Khó khăn:

Tuy nhiên, sản xuất nông nghiệp ở Bắc Mỹ cũng có những hạn chế: nhiều nông sản có giá thành cao nên thường bị cạnh tranh mạnh trên thị trường, việc sử dụng nhiều phân hoá học và thuốc trừ sâu đã có những tác động xấu tới môi trường..

d) **Tổ chức thực hiện:**

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

* **HOẶC: Từ phần đặc điểm tự nhiên, dân cư- xã hội, kinh tế của Hoa Kỳ**

- **Bước 1** GV: Cho HS đọc SGK, quan sát bản đồ, lược đồ theo cá nhân. GV chia HS thành các nhóm

- + N1 tìm hiểu về tự nhiên
- + N2 tìm hiểu về dân cư xã hội
- + N3 tìm hiểu quy mô nền kinh tế
- + N4 tìm hiểu công nghiệp
- + N5 tìm hiểu nông nghiệp
- + N6 tìm hiểu về dịch vụ

- **Bước 2:** HS thực hiện nhiệm vụ theo cá nhân/nhóm. GV gợi ý cho HS các vấn đề cần tìm hiểu

Ví dụ: Về tự nhiên

- + Vùng phía Tây
- + Vùng phía Đông
- + Vùng trung tâm.

Trình bày theo bảng kẻ sẵn, về nhà làm báo cáo và trình bày trên lớp vào các tiết sau.

- **Bước 3:** HS trình bày, HS bổ sung

(Hoặc HS được hình thành nhóm mới (mảnh ghép) thảo luận các vấn đề về tự nhiên ,dân cư,kinh tế của Hoa Kỳ)

- **Bước 4:** GV nhận xét, đánh giá, bổ sung và chuẩn kiến thức.

Tuần 14,15,16.

§14-15-16. BÀI 7:

Chủ đề 3 tiết: LIÊN MINH CHÂU ÂU

Xác định vấn đề cần giải quyết

- Liên minh châu Âu là một trong những trung tâm kinh tế khoa học kỹ thuật trên thế giới. Khu vực này có nhiều điều kiện rất thuận lợi trong quá trình phát triển kinh tế xã hội.
- Mỗi khu vực trên thế giới đều có điểm nổi bật riêng của nó do có nhiều tác động khác nhau. Sự sắp xếp nội dung các tiết dạy theo SGK là theo từng tiết học.
- Vì vậy sắp lại thành một bài học tạo điều kiện cho việc tổ chức các hoạt động học nối tiếp thành một chuỗi, đồng thời học sinh được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng tốt hơn.

Nội dung bài học :

- Quá trình hình thành và phát triển
- Vị thế trên thế giới
- Thị trường chung
- Hợp tác sản xuất và dịch vụ
- Liên kết vùng

I. MỤC TIÊU.

1. Kiến thức:

- Hiểu được quá trình hình thành và phát triển, mục đích và thể chế của EU.
- Chứng minh được rằng EU là trung tâm kinh tế hàng đầu của thế giới.
- Hiểu được nội dung và ý nghĩa của việc hình thành thị trường chung Châu Âu và của việc sử dụng đồng tiền chung Orô.
- Chứng minh rằng sự hợp tác, liên kết đã đem lại những lợi ích kinh tế cho các nước thành viên.
- Trình bày được nội dung của khái niệm liên kết vùng và nêu lên một số lợi ích của việc liên kết vùng ở EU.

2. Năng lực:

- Năng lực tự học, giao tiếp, giải quyết vấn đề và hợp tác
- Sử dụng công cụ địa lý: bản đồ, số liệu, biểu đồ, hình ảnh... để nhận biết các nước thành viên EU, thấy rõ vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới, vẽ, phân tích biểu đồ, số liệu thống kê, xử lý số liệu, tài liệu
- Vận dụng các kỹ năng trình bày một số vấn đề.

3. Phẩm chất:

- Sống có trách nhiệm.
- Chăm chỉ học tập, tiếp cận tri thức của các nước phát triển.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu/ SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, video.

2. Học sinh: SGK, Atlat.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

- Mục tiêu:** Rèn luyện kỹ năng đọc, xử lý thông tin cho HS.
- Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.
- Sản phẩm:** HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân trả lời câu hỏi GV đưa ra.
- Tổ chức thực hiện:**
 - **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu một số hình ảnh về liên minh Châu Âu. Yêu cầu HS tìm hiểu và giới thiệu những nét khái quát về EU?

<https://www.google.com/search?q=li%C3%AAn+minh+ch%C3%A2u+%C3%A2u>



- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 03 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 2.1. Tìm hiểu về sự ra đời và phát triển EU

- a) **Mục tiêu:** HS khai thác được bản đồ, tranh ảnh; trình bày được lí do hình thành và phát triển EU.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

I. Quá trình hình thành và phát triển

1. Sự ra đời và phát triển EU

- Lí do hình thành:
 - + Do xu hướng toàn cầu hóa, khu vực hóa
 - + Tăng khả năng cạnh tranh, thúc đẩy kinh tế phát triển
- Sự hình thành (sự ra đời):

Năm 1967 cộng đồng Châu Âu (EC) được thành lập trên cơ sở hợp nhất một số tổ chức kinh tế.

Năm 1993, với hiệp ước Ma - xtrích, CD Châu Âu đổi thành liên minh Châu Âu (EU)
- Phát triển:
 - + Số lượng các thành viên liên tục tăng
 - + EU được mở rộng theo các hướng khác nhau trong không gian địa lý.
 - + Mức độ liên kết, thống nhất ngày càng cao

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:
 - + Câu hỏi 1: Cho biết lí do hình thành EU và những mốc quan trọng trong quá trình hình thành EU?
 - + Câu hỏi 2: Từ khi ra đời đến nay EU đã có những chuyển biến tích cực gì?
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**
 - + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
 - + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**
 - + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
 - + Đại diện một số cặp trình bày, các cặp khác bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về mục đích và thể chế của EU

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

a) Mục tiêu: HS khai thác được sơ đồ, tranh ảnh; trình bày được mục đích, thể chế hoạt động và biểu hiện của mối liên kết toàn diện giữa các nước trong EU.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

2. Mục đích và thể chế

a. Mục đích:

Mục đích của EU là xây dựng và phát triển một khu vực mà ở đó, hàng hóa, dịch vụ, con người, tiền vốn được tự do lưu thông giữa các nước thành viên; tăng cường hợp tác, liên kết không chỉ về kinh tế, luật pháp, nội vụ mà còn trên cả lĩnh vực an ninh, đối ngoại.

b. Thể chế:

Hiện nay, nhiều vấn đề quan trọng về kinh tế và chính trị không phải do chính phủ của các quốc gia thành viên đưa ra mà do các cơ quan của EU quyết định (Hội đồng Châu Âu, Nghị viện Châu Âu, Hội đồng bộ trưởng EU, Ủy ban Liên minh Châu Âu).

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV quy định các nhóm bàn thảo, lễ và yêu cầu:

+ Các nhóm bàn thảo: Dựa vào H7.3 trình bày những liên minh, hợp tác chính của EU?

+ Các nhóm bàn lễ: Phân tích H7.4 nêu tên các cơ quan đầu não của EU và chức năng của các cơ quan này?

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.3 Tìm hiểu về vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới

a) Mục tiêu: HS phân tích được vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới: trung tâm kinh tế và tổ chức thương mại hàng đầu thế giới. Phân tích bảng số liệu, tư liệu về dân số của EU, cơ cấu GDP, một số chỉ tiêu về kinh tế để thấy được ý nghĩa của EU thống nhất, vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

II. Vị thế của EU trong nền kinh tế thế giới.

1. EU - Trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới

EU là một trong 3 trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới:

- Đứng hàng đầu thế giới về GDP (2004 vượt HK và NB)

- Tuy diện tích chỉ chiếm 2, 2% S thế giới, dân số chiếm 7, 1% DS thế giới nhưng chiếm tới 31% tổng giá trị kinh tế thế giới, 37, 7% xuất khẩu của thế giới, 26% trong SX ụ tị TG, tiêu thụ 19% năng lượng thế giới...

2. EU - Trung tâm thương mại hàng đầu thế giới

- EU chiếm 37, 7% xuất khẩu của thế giới.

- Tỉ trọng của EU trong xuất khẩu của thế giới và tỉ trọng của XK trong GDP của EU (năm 2004) đều đứng đầu thế giới.

→ Mặc dù chiếm diện tích nhỏ, dân số ít nhưng EU có vai trò to lớn trong nền kinh tế thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

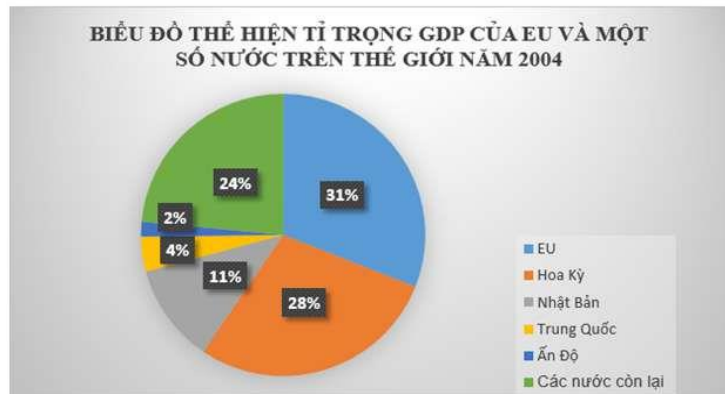
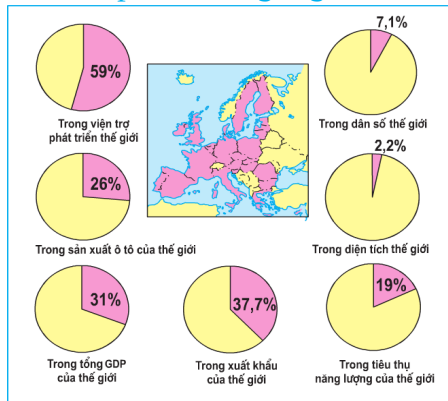
GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu HS tìm hiểu SGK kết hợp với kiến thức của bản thân và hoạt động theo nhóm để hoàn thành nhiệm vụ:

+ Nhóm 1 và 3: Dựa vào bảng 7.1, H7.5 cùng KT SGK để chứng minh EU là trung tâm kinh tế hàng đầu TG?

+ Nhóm 2 và 4: Dựa vào bảng 7.1, H7.5 cùng KT SGK để chứng minh EU là trung tâm thương mại hàng đầu thế giới?

<https://www.google.com/search?q=vai+tr%C3%B2+c%E1%BB%A7a+eu>



- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm tự phân công nhiệm vụ cho các thành viên.

+ HS làm việc theo nhóm trong khoảng thời gian: 5 phút.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ GV yêu cầu đại diện các nhóm báo cáo kết quả.

+ Các nhóm nhận xét, bổ sung cho nhau.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

Hoạt động 2.4 Tìm hiểu về việc hợp tác, liên kết cùng phát triển của EU

a) **Mục tiêu:** HS trình bày được một số hoạt động liên kết, hợp tác để phát triển và ý nghĩa của việc liên kết đó.

b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK, tra thông tin mạng, thảo luận để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

III. EU- Hợp tác, liên kết cùng phát triển.

1. Tình thành thị trường chung châu Âu

* Tự do lưu thông.

Từ 1/1/1993 EU thiết lập một thị trường chung. Trong đó có 4 mặt tự do lưu thông:

a. Tự do di chuyển

Ở EU, quyền đi lại tự do, tự do cư trú, tự do lựa chọn nơi làm việc.

b. Tự do lưu thông dịch vụ

Tự do với các dịch vụ như: Vận tải, thông tin liên lạc, ngân hàng, bảo hiểm, du lịch.

c. Tự do lưu thông hàng hoá.

Các sản phẩm hợp pháp của một số nước EU được tự do vận chuyển và bán trong toàn thị trường chung Châu Âu. Thuế giá trị gia tăng bị bãi bỏ.

d. Tự do lưu thông tiền vốn.

Các hạn chế đối với giao dịch thanh toán bị bãi bỏ. Các nhà đầu tư có thể lựa chọn khả năng đầu tư có lợi nhất, có thể mở tài khoản tại các ngân hàng nước ngoài thuộc EU.

=> **ý nghĩa của 4 mặt tự do lưu thông.**

- Xoá bỏ những trở ngại trong việc phát triển KT (Rào cản về thuế quan và thương mại). Các nước thành viên thực hiện chung một chính sách thương mại trong quan hệ buôn bán với các nước ngoài khối.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- Phát huy tối đa lợi thế nhân tài, vật lực, nguồn vốn cho sự phát triển chung của cộng đồng châu Âu. Từ đó tăng cường sức mạnh KT và khả năng cạnh tranh của EU so với các trung tâm KT lớn trên TG.

*** Euro (Ơ - Rô) - Đồng tiền chung của EU.**

a. Thực trạng sử dụng

- 1/1/1999 các nước EU (11 nước) đã bắt đầu SD đồng Ơ - Rô nhưng dưới dạng không phải tiền mặt.

- Đến 2004 có 13 nước thành viên EU sử dụng.

b. Lợi ích:

- Nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.

- Xoá bỏ những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

- Tạo điều kiện thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU

- Đơn giản hoá công tác kế toán của các doanh nghiệp đa quốc gia.

2. Hợp tác trong sản xuất và dịch vụ

Dự án - SP hợp tác	Các bên tham gia hợp tác	Lợi ích do dự án đem lại
Sản xuất máy bay E - bot	Pháp, Đức, Anh	Chế tạo thành công máy bay E - Bot nổi tiếng, cạnh tranh có hiệu quả với Boeing của HK.
Đường hầm qua eo biển MS nối Á với phần châu Âu lục địa	Anh và Pháp	Hàng hoá được vận chuyển trực tiếp giữa Anh và phần châu Âu lục địa (Không cần phà)

3. Liên kết vùng Châu Âu

- Khái niệm: chỉ một khu vực biên giới của EU mà ở đó người dân các nước khác nhau tiến hành các hoạt động hợp tác, liên kết sâu rộng về các mặt kinh tế, xã hội, văn hóa trên cơ sở tự nguyện vì những lợi ích chung của các bên tham gia. Liên kết vùng có thể hoàn toàn nằm bên trong ranh giới EU hoặc có một phần nằm ngoài ranh giới EU

- Lợi ích:

+ Tăng cường quá trình liên kết và nhất thể hoá ở EU.

+ Phát huy được những lợi thế riêng của mỗi nước.

+ Tăng cường tinh thần đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân các nước trong khu vực.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia 4 nhóm, các nhóm làm chung 1 nhiệm vụ: đọc SGK, tra cứu thông tin từ điện thoại thông minh, thảo luận các nội dung biểu hiện cho sự liên kết, hợp tác chặt chẽ của EU và ý nghĩa của những hoạt động đó. Ghi lại hoặc sơ đồ hóa các nội dung thảo luận.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:**

+ Các nhóm nghiên cứu nội dung SGK, tra cứu tài liệu hoàn thành nội dung trong 10 phút.

+ GV: quan sát và trợ giúp các nhóm.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:**

+ Các nhóm trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau trong 5p

+ Đại diện một nhóm trình bày, các nhóm khác cho ý kiến bổ sung nếu còn.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Hệ thống lại kiến thức: trình bày được ý nghĩa của việc hình thành một EU thống nhất. Chứng minh được vai trò của EU trong nền kinh tế thế giới. Rèn luyện các kỹ năng vẽ, phân tích biểu đồ, phân tích số liệu thống kê, xử lý tư liệu tham khảo và kỹ năng trình bày một vấn đề.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

b) **Nội dung:** HS thực hành, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức:

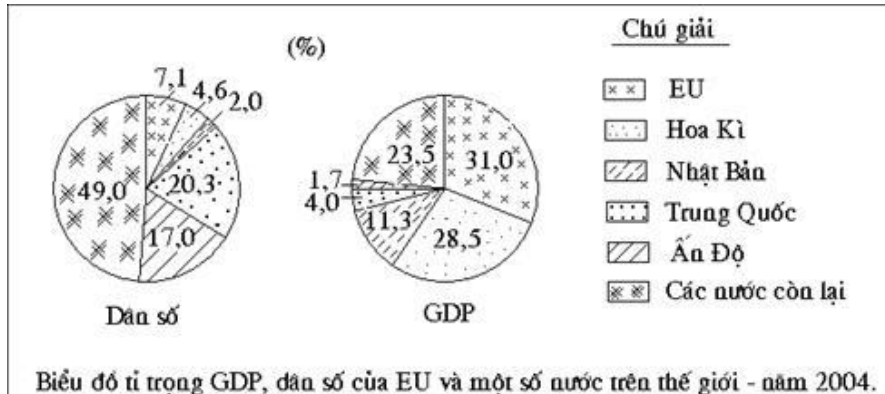
IV. Thực hành

1. Ý nghĩa của việc hình thành một EU thống nhất:

- Tăng cường tự do lưu thông về người, hàng hoá, tiền tệ và dịch vụ.
- Thúc đẩy và tăng cường quá trình nhất thể hoá EU về các mặt kinh tế, xã hội.
- Tăng tiềm lực và khả năng cạnh tranh kinh tế của toàn khối.

2. Vẽ biểu đồ và nhận xét:

a. Vẽ biểu đồ:



b. Nhận xét:

- EU chiếm 7, 1% dân số thế giới và 2, 2% diện tích nhưng chiếm tới 31 % GDP, 26% sản lượng ô tô, 37, 7% xuất khẩu, 19% mức tiêu thụ năng lượng của thế giới.
- Nếu so sánh với HK và NB, EU đó vượt lên đứng đầu thế giới về GDP, tổng giá trị XK (2004)
- Xét về nhiều chỉ số kinh tế, EU đó trở thành trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới, vượt qua cả HK, NB.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS đọc SGK, kết hợp vốn hiểu biết của bản thân và trao đổi với bạn bên cạnh để trả lời câu hỏi:

- + Câu hỏi 1: Cho biết ý nghĩa của việc hình thành một EU thống nhất?
- + Câu hỏi 2: Vẽ biểu đồ thể hiện tỉ trọng GDP, dân số của EU và một số nước trên thế giới, năm 2004. Rút ra nhận xét.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + Các cặp nghiên cứu nội dung SGK, tài liệu hoàn thành câu hỏi trong 05 phút.
- + GV: quan sát và trợ giúp các cặp.

- Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- + Các cặp trao đổi chéo kết quả và bổ sung cho nhau
- + GV yêu cầu đại diện HS báo cáo kết quả (lần lượt báo cáo từng phần. Riêng phần vẽ BD yêu cầu 2 HS lên bảng vẽ).
- + Các HS khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Vận dụng được kiến thức đã học để lý giải vấn đề của quốc gia và khu vực.

b) **Nội dung:** Câu hỏi mở, HS quan sát vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành câu hỏi:

* Câu hỏi: Từ thành công trong hợp tác liên kết của EU, em có suy nghĩ gì hoạt động hợp tác của VN với các nước trong ASEAN?

- Mục tiêu khác nhau

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- cơ chế hợp tác khác nhau

=> còn nhiều hạn chế, nhưng cũng ít thách thức.....

HS có thể về nhà suy nghĩ và tìm kiếm câu trả lời.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, định hướng câu trả lời và hướng HS tìm hiểu về ASEAN để học về sau.

Tuần 17.

TIẾT 17. ÔN TẬP CUỐI KỲ I

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Khái quát, hệ thống hóa và ôn tập các kiến thức đã học trong HK I:

- Khái quát kinh tế - xã hội thế giới.

- Địa lí khu vực và quốc gia: Hoa Kỳ, EU

2. Năng lực:

- Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, tính toán, sử dụng công nghệ thông tin.

- Vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí vào giải quyết vấn đề.

3. Phẩm chất: chăm chỉ, trung thực.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên: Máy tính, máy chiếu/ SGK, Atlat, bản đồ, biểu đồ, bảng số liệu, tranh ảnh, video.

2. Học sinh: SGK, Atlat.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. HOẠT ĐỘNG 1: KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: HS nắm được cấu trúc đề kiểm tra.

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK.

c) Sản phẩm: HS nhớ lại kiến thức đã được học và vận dụng kiến thức của bản thân để đặt câu hỏi đối với những nội dung chưa rõ hoặc chưa hiểu.

I. Cấu trúc đề kiểm tra.

1. Phần trắc nghiệm khách quan (7,0 điểm = 28 câu)

STT	Nội dung	Số câu
1	Khái quát nền KTXH thế giới	8
2	Hợp chúng quốc Hoa Kỳ	10
3	Liên minh Châu Âu (EU)	10

Lưu ý: phần kỹ năng được lồng ghép trong các nội dung nêu trên

2. Phần tự luận (3,0 điểm = 02 câu)

- Đặc điểm tự nhiên, dân cư - xã hội và kinh tế của Hoa Kỳ.

- Sự ra đời, phát triển; mục đích và thể chế; những thành tựu; vị thế của Liên minh Châu Âu (EU) trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu cấu trúc đề kiểm tra cuối kì. Yêu cầu HS rà soát lại kiến thức và đưa ra câu hỏi đối với những nội dung lí thuyết chưa nắm rõ hoặc chưa hiểu.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 5 phút.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS đặt câu hỏi và yêu cầu các HS khác lắng nghe, trả lời, giải thích câu hỏi của bạn.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào hoạt động ôn tập.

2. HOẠT ĐỘNG 2: HƯỚNG DẪN ÔN TẬP

- a) **Mục tiêu:** HS hệ thống lại kiến thức đã được học.
- b) **Nội dung:** HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để hệ thống hóa kiến thức theo yêu cầu của GV.
- c) **Sản phẩm:** HS hoàn thành việc hệ thống hóa kiến thức theo nội dung GV hướng dẫn:

II. Nội dung ôn tập

1. Khái quát KTXH thế giới:

- CM KHCN hiện đại
- Toàn cầu hóa – khu vực hóa.
- Một số vấn đề toàn cầu
- vấn đề châu lục và khu vực.

2. Hợp chủng quốc Hoa Kỳ

* Đặc điểm tự nhiên, tài nguyên thiên nhiên và ảnh hưởng của chúng tới sự phát triển kinh tế - xã hội

Chia làm 3 vùng tự nhiên:

- Vùng phía Đông
- Vùng phía Tây
- Vùng trung tâm

* Đặc điểm dân cư Hoa Kỳ

- Gia tăng dân số: DS đông, tăng nhanh, chủ yếu do nhập cư.
- Thành phần dân cư đa dạng và phức tạp
- Phân bố dân cư: Không đều

* Đặc điểm kinh tế (quy mô nền kinh tế, đặc điểm phát triển các ngành kinh tế)

- Quy mô nền kinh tế (lớn nhất TG, nguyên nhân)
- Các ngành kinh tế:
 - + Công nghiệp.
 - + Nông nghiệp.
 - + Dịch vụ.

3. Liên minh Châu Âu (EU)

- Sự ra đời, phát triển.
- Mục đích và thể chế.
- Những thành tựu.
- Vị thế của Liên minh Châu Âu (EU) trên thế giới.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung kiến thức đã học bằng sơ đồ dưới sự hướng dẫn của GV và theo cấu trúc đề kiểm tra.
- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS nhớ lại và hệ thống hoá các kiến thức đã học.
- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** Mỗi câu hỏi đại diện HS sẽ trả lời các HS khác nhận xét và bổ sung.
- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả hoạt động và chốt kiến thức.

3. HOẠT ĐỘNG 3: LUYỆN TẬP

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

a) Mục tiêu: Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kỹ năng bài học góp phần hình thành các kỹ năng mới cho HS

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Lãnh thổ Hoa Kỳ phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

A. xích đạo.

B. nhiệt đới.

C. ôn đới.

D. hàn đới.

Câu 2: Hiện nay ở Hoa Kỳ, người Anh diêng sống tập trung ở vùng

A. đồi núi phía Tây.

B. đồi núi phía Đông.

C. đồng bằng phía Nam.

D. đồi gò phía Bắc.

Câu 3: Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kỳ là

A. vùng Đông Bắc.

B. vùng Đông Nam.

C. vùng trung tâm.

D. vùng phía Tây.

Câu 4: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ là sản phẩm của ngành

A. nông nghiệp.

B. thủy sản.

C. công nghiệp chế biến.

D. công nghiệp khai khoáng.

Câu 5: Dân số Hoa Kỳ tăng nhanh chủ yếu do

A. nhập cư.

B. tỉ suất sinh cao.

C. gia tăng tự nhiên.

D. tỉ suất tử thấp.

Câu 6: Cơ quan đầu não đứng đầu EU hiện nay là

A. Các ủy ban chính phủ.

B. Hội đồng bộ trưởng.

C. Quốc hội Châu Âu.

D. Hội đồng Châu Âu.

Câu 7: Đường hầm giao thông dưới biển Măng - sơ nối liền châu Âu lục địa với quốc gia nào sau đây?

A. Đức.

B. Pháp.

C. Anh.

D. Đan Mạch.

Câu 8: Quá trình mở rộng các nước thành viên EU chủ yếu hướng về

A. phía Tây.

B. phía Đông.

C. phía Bắc.

D. phía Nam.

Câu 9: Nhận định nào sau đây **không** đúng với EU?

A. Là một liên minh chủ yếu về an ninh và chính trị.

B. Liên minh ra đời trên cơ sở liên kết về kinh tế.

C. Số lượng thành viên của EU tính đến 2007 là 27.

D. Tổ chức liên kết khu vực có nhiều thành công nhất.

Câu 10: Ở Liên minh châu Âu (EU), một luật sư người I-ta-li-a có thể làm việc ở Béc - lin như một luật sư Đức là biểu hiện của

A. tự do di chuyển.

B. tự do lưu thông tiền vốn.

C. tự do lưu thông dịch vụ.

D. tự do lưu thông hàng hóa.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- **Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:** HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

4. HOẠT ĐỘNG 4: VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức, kỹ năng và năng lực đã được học và rèn luyện được để trả lời các câu hỏi gắn với các điều kiện cụ thể, mang tính chất liên hệ đối với Hoa Kỳ và EU

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

b) Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK và vận dụng kiến thức đã học để trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: HS hoàn thành câu hỏi:

Câu 1: Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN CỦA HOA KÌ QUA CÁC NĂM

(Đơn vị: triệu người)

Năm	1800	1840	1880	1920	1960	2005	2015
Số dân	5	17	50	105	179	296,5	321,8

(Nguồn tổng cục thống kê năm 2015)

Biểu đồ nào thích hợp nhất thể hiện dân số của Hoa Kỳ trong giai đoạn 1800 - 2015?

A. Tròn.

B. Miền.

C. Đường.

D. Cột.

Câu 2: Nhân tố nào sau đây có tính quyết định đến sự phân hóa lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ?

A. Đất đai và khí hậu.

B. Khí hậu và giống cây.

C. Giống cây và thị trường.

D. Thị trường và lao động.

Câu 3: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2010	1852,3	2365,0
2012	2198,2	2763,8
2014	2375,3	2884,1
2015	2264,3	2786,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ, giai đoạn 2010 - 2015?

A. Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

B. Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

C. Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.

D. Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng lên.

Câu 4: Giá nông sản của EU thấp hơn so với giá thị trường thế giới vì

A. EU đã hạn chế nhập khẩu nông sản.

B. giá lao động nông nghiệp rẻ.

C. đầu tư nguồn vốn lớn cho nông nghiệp.

D. trợ cấp cho hàng nông sản EU.

Câu 5: Ca-li-nin-grat là tỉnh nằm ngoài lãnh thổ Nga nhưng hết sức quan trọng vì

A. là điểm trung chuyển hàng hóa của Nga và EU.

B. là tỉnh giàu có về tài nguyên khoáng sản như dầu khí.

C. là tỉnh có đất đai phì nhiêu phát triển nông nghiệp.

D. là một trung tâm công nghiệp lớn của Liên Bang Nga.

d) Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ:** GV trình chiếu câu hỏi, yêu cầu HS trả lời.

- Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thảo luận và tìm đáp án.

- **Bước 3: Báo cáo, thảo luận:** GV gọi một số HS trả lời, HS khác nhận xét, bổ sung.

- **Bước 4: Kết luận, nhận định:** GV đánh giá kết quả của HS, chốt đáp án và kiến thức có liên quan.

.

Tuần 18. Ngày soạn: 18/12 /2021**TIẾT 18: KIỂM TRA CUỐI KỲ I****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Khái quát kinh tế - xã hội thế giới.
- Địa lí khu vực và quốc gia: Hoa Kỳ và EU

2. Năng lực: Vận dụng kiến thức, kỹ năng địa lí vào giải quyết vấn đề.**3. Phẩm chất:** chăm chỉ, trung thực.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Học sinh:** Bút, thước kẻ, giấy nháp.**2. Giáo viên:** Đề kiểm tra.**III. MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA**

Chủ đề	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao	
Khái quát nền KTXH thế giới.	Biết xu thế phát triển của thế giới và biểu hiện của TCH-KVH	Hiểu nguyên nhân của các vấn đề toàn cầu cũng như của các châu lục và khu vực trên thế giới			
	04 câu TN 1 điểm 10%	04 câu TN 1 điểm 10%			08 câu TN 2 điểm 20%
Hợp chủng quốc Hoa Kỳ	Biết các đặc điểm tự nhiên, dân cư, xã hội và tình hình phát triển kinh tế của Hoa Kỳ.	Phân tích ảnh hưởng của tự nhiên, dân cư, xã hội đối với sự phát triển kinh tế Hoa Kỳ.	Giải thích được nguyên nhân phát triển kinh tế - xã hội Hoa Kỳ	Nhận xét, đánh giá tình hình phát triển các ngành kinh tế Hoa Kỳ.	
	04 câu TN 1 điểm 10%	04 câu TN 1 điểm 10%	01 câu TL 1,5 điểm 15%	02 câu TN 0,5 điểm 05%	10 câu TN 1 câu tl 4 điểm 40 %
Liên minh Châu Âu	Biết được sự ra đời, phát triển, mục đích và thể chế của Liên minh Châu Âu (EU).	Phân tích được vai trò, những thành tựu của Liên minh Châu Âu (EU).	Giải thích, đánh giá được vai trò, vị thế của Liên minh Châu Âu (EU) trên trường quốc tế.	Nhận xét, đánh giá được vai trò, vị trí, ý nghĩa của các hoạt động liên kết trong Liên minh EU.	
	01 câu TL 02 câu TN 2,0 điểm 20 %	04 câu TN 1 điểm 10%	02 câu TN 0,5 điểm 05%	02 câu TN 0,5 điểm 05%	10 câu TN 1 câu tl 4 điểm 40 %
Tổng số	10 câu TN	12 câu TN	2 câu TN	04 câu TN	28 câu TN

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

điểm: 10 điểm	01 câu TL 4.0 điểm 40%	3.0điểm 30%	1 câu TL 2.0điểm 20%	1,0 điểm 10 %	2 câu TL 10 điểm 100%
--------------------------	------------------------------	----------------	----------------------------	------------------	-----------------------------

IV. ĐỀ KIỂM TRA

ĐỀ SỐ 01

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Hoa Kỳ có diện tích lớn

A. thứ 2 thế giới.

C. thứ 4 thế giới.

B. thứ 3 thế giới.

D. thứ 5 thế giới.

Câu 2: Lãnh thổ Hoa Kỳ **không** tiếp giáp với đại dương nào sau đây?

A. Bắc Băng Dương.

C. Ấn Độ Dương.

B. Đại Tây Dương.

D. Thái Bình Dương.

Câu 3: Ha - oai là quần đảo nằm giữa Thái Bình Dương có tiềm năng lớn về

A. muối mỏ, hải sản.

C. kim cương, đồng.

B. hải sản, du lịch.

D. du lịch, than đá.

Câu 4: Vùng có mật độ dân số cao nhất của Hoa Kỳ là

A. vùng Đông Bắc.

C. vùng trung tâm.

B. vùng Đông Nam.

D. vùng phía Tây.

Câu 5: Chiếm tỉ trọng cao nhất trong giá trị hàng xuất khẩu của Hoa Kỳ là sản phẩm của ngành

A. nông nghiệp.

C. công nghiệp chế biến.

B. thủy sản.

D. công nghiệp khai khoáng.

Câu 6: Dân cư thành thị của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở các thành phố có quy mô

A. lớn và cực lớn.

C. vừa và nhỏ.

B. lớn và vừa.

D. cực lớn.

Câu 7: Hệ thống sông có giá trị kinh tế và giao thông lớn nhất của Hoa Kỳ là

A. Mixixipi - Mitxuri.

C. Columbia.

B. Côlôradô.

D. Xanh Lôrăng.

Câu 8: Về thiên tai, Hoa Kỳ được mệnh danh là

A. quê hương của vòi rồng.

C. quê hương của lũ lụt.

B. quê hương của bão.

D. quê hương của lở đất.

Câu 9: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với dân cư Hoa Kỳ?

A. Dân đông nhờ một phần lớn vào nhập cư.

B. Người châu Âu chiếm tỉ lệ lớn dân cư.

C. Chi phí đầu tư ban đầu cho nhập cư cao.

D. Nguồn nhập cư là nguồn lao động lớn.

Câu 10: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với nền nông nghiệp Hoa Kỳ?

A. Tính chuyên môn hóa cao.

B. Trình độ khoa học kỹ thuật cao.

C. Gắn với công nghiệp chế biến

D. Hợp tác xã là hình thức sản xuất chính.

Câu 11: Vùng “vành đai Mặt Trời” của Hoa Kỳ hiện nay là

A. Đông Bắc.

B. Trung tâm.

C. Dọc biên giới Canada. D. Tây và Nam.

Câu 12: Miền Đông Bắc Hoa Kỳ sớm trở thành cái nôi của ngành công nghiệp, chủ yếu do

A. nguồn dầu mỏ phong phú.

C. đồng bằng diện tích rộng lớn.

B. giàu than, sắt và thủy năng.

D. có nhiều kim loại quý hiếm.

Câu 13: Tính chuyên môn hoá trong sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ được thể hiện ở đặc điểm nào dưới đây?

A. Chỉ sản xuất những sản phẩm có thể mạnh.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

- B. Chỉ sản xuất một loại nông sản nhất định.
- C. Sản xuất sản nông sản phục vụ nhu cầu trong nước.
- D. Hình thành nên các vùng chuyên canh.

Câu 14: Nhận xét nào dưới đây **không** thể hiện đúng sự thay đổi cơ cấu nông nghiệp của Hoa Kỳ?

- A. Tăng tỉ trọng dịch vụ nông nghiệp.
- B. Giảm tỉ trọng hoạt động thuần nông.
- C. Hình thức sản xuất chủ yếu là trang trại.
- D. Đa dạng hóa nông sản trên một diện tích lãnh thổ.

Câu 15: Nguyên nhân chủ yếu làm cho GDP của Hoa Kỳ tăng nhanh là do

- A. sức mua của người dân rất lớn.
- B. nền kinh tế có tính năng động.
- C. chủ yếu dựa vào ngành dịch vụ hiện đại.
- D. hướng ra xuất khẩu sản phẩm công nghiệp.

Câu 16: Nhân tố nào sau đây có tính quyết định đến sự phân hóa lãnh thổ sản xuất nông nghiệp của Hoa Kỳ?

- A. Đất đai và khí hậu.
- B. Khí hậu và giống cây.
- C. Giống cây và thị trường.
- D. Thị trường và lao động.

Câu 17: Thời tiết của Hoa Kỳ thường bị biến động mạnh, nhất là phần trung tâm là do

- A. nằm chủ yếu ở vành đai cận nhiệt và ôn đới.
- B. giáp với Đại Tây Dương và Thái Bình Dương.
- C. ảnh hưởng của dòng biển nóng Gôngxtrim.
- D. địa hình vùng trung tâm có dạng lòng máng.

Câu 18: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2010	1852,3	2365,0
2012	2198,2	2763,8
2014	2375,3	2884,1
2015	2264,3	2786,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ, giai đoạn 2010 - 2015?

- A. Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.
- B. Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.
- C. Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.
- D. Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng lên.

Câu 19: Cơ quan đầu não đứng đầu EU hiện nay là

- A. Các ủy ban chính phủ.
- B. Hội đồng bộ trưởng.
- C. Quốc hội Châu Âu.
- D. Hội đồng Châu Âu.

Câu 20: Những quốc gia nào có vai trò sáng lập EU?

- A. Italia, Pháp, Phần Lan, Đức, Thụy Điển.
- B. Pháp, Đức, Italia, Bỉ, Hà Lan, Lucxambua.
- C. Đức, Pháp, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha.
- D. Đức, Anh, Pháp, Thụy Sĩ, Phần Lan, Bỉ.

Câu 21: Quá trình mở rộng các nước thành viên EU chủ yếu hướng về

- A. phía Tây.
- B. phía Đông.
- C. phía Bắc.
- D. phía Nam.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

Câu 22: Nhận định nào sau đây **không** đúng với EU?

- A. Là một liên minh chủ yếu về an ninh và chính trị.
- B. Liên minh ra đời trên cơ sở liên kết về kinh tế.
- C. Số lượng thành viên của EU tính đến 2007 là 27.
- D. Tổ chức liên kết khu vực có nhiều thành công nhất.

Câu 23: Phát triển liên kết vùng ở châu Âu **không** nhằm chủ yếu vào việc thực hiện các hoạt động hợp tác, liên kết về

- A. xã hội.
- B. văn hóa.
- C. chính trị.
- D. kinh tế.

Câu 24: Ý nghĩa lớn nhất của việc đưa đồng Ô - rô vào sử dụng chung trong Liên minh châu Âu là

- A. thủ tiêu những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.
- B. tạo thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU.
- C. nâng cao sức cạnh tranh của thị trường chung châu Âu.
- D. đơn giản hóa công tác kế toán của các doanh nghiệp.

Câu 25: Tự do lưu thông tiền vốn trong EU **không** phải là việc

- A. bãi bỏ các rào cản đối với giao dịch thanh toán.
- B. các nhà đầu tư có thể chọn nơi đầu tư có lợi nhất.
- C. nhà đầu tư mở tài khoản tại các nước EU khác.
- D. bỏ thuế giá trị gia tăng hàng hóa của mỗi nước.

Câu 26: Giá nông sản của EU thấp hơn so với giá thị trường thế giới vì

- A. EU đã hạn chế nhập khẩu nông sản.
- B. giá lao động nông nghiệp rẻ.
- C. đầu tư nguồn vốn lớn cho nông nghiệp.
- D. trợ cấp cho hàng nông sản EU.

Câu 27: Hoạt động nào sau đây **không** thực hiện trong liên kết vùng Châu Âu?

- A. Tự do đi sang nước láng giềng làm việc.
- B. Xuất bản tạp chí chung với nhiều thứ tiếng.
- C. Phối hợp tổ chức khóa đào tạo chung.
- D. Tổ chức chung các hoạt động chính trị.

Câu 28: Phát biểu nào sau đây **không** đúng với mục đích của EU?

- A. Xây dựng, phát triển một khu vực tự do lưu thông hàng hóa, dịch vụ.
- B. Xây dựng, phát triển một khu vực tự do lưu thông con người, tiền vốn.
- C. Xây dựng, phát triển một khu vực liên kết kinh tế, luật pháp.
- D. Xây dựng, phát triển một khu vực có sức mạnh kinh tế, quân sự.

B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Dân nhập cư có ảnh hưởng như thế nào đến sự phát triển kinh tế - xã hội của Hoa Kỳ?

Câu 2 (1,5 điểm): Liên minh Châu Âu (EU) thực hiện tự do lưu thông trong những lĩnh vực nào? Chứng minh EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới.

ĐỀ SỐ 02

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 điểm)

Câu 1: Lãnh thổ Hoa Kỳ phần lớn nằm trong vành đai khí hậu

- A. xích đạo.
- B. nhiệt đới.
- C. ôn đới.
- D. hàn đới.

Câu 2: Hiện nay ở Hoa Kỳ, người Anh diêng sống tập trung ở vùng

- A. đồi núi phía Tây.
- B. đồi núi phía Đông.
- C. đồng bằng phía Nam.
- D. đồi gò phía Bắc.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

Câu 3: Dân cư Hoa Kỳ có nguồn gốc chủ yếu từ

A. Châu Âu.

C. Châu Á.

B. Châu Phi.

D. Mỹ La tinh.

Câu 4: Các cao nguyên và bồn địa ở vùng núi phía tây phần lãnh thổ Hoa Kỳ ở trung tâm Bắc Mỹ có kiểu khí hậu là

A. cận nhiệt đới và hoang mạc.

B. cận nhiệt đới và bán hoang mạc.

C. cận nhiệt đới và ôn đới hải dương.

D. hoang mạc và bán hoang mạc.

Câu 5: Địa hình chủ yếu của vùng Trung tâm Hoa Kỳ là

A. cao nguyên thấp và đồi gò thấp.

B. cao nguyên cao và đồi gò thấp.

C. đồng bằng lớn và cao nguyên thấp.

D. đồng bằng lớn và đồi gò thấp.

Câu 6: Khu vực có nhiều người châu Á sinh sống nhiều nhất hiện nay ở Hoa Kỳ là

A. Ven Thái Bình Dương.

B. Ven Đại Tây Dương

C. Ven Vịnh Mêhicô.

D. Trong nội địa

Câu 7: Loại hình giao thông vận tải có tốc độ phát triển nhanh nhất ở Hoa Kỳ hiện nay là

A. đường bộ.

B. đường biển.

C. đường hàng không.

D. đường sông hồ.

Câu 8: Các ngành công nghiệp truyền thống của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở

A. vùng Phía Tây.

B. vùng Đông Bắc.

C. vùng phía Nam.

D. vùng Nội địa.

Câu 9: Dân số Hoa Kỳ tăng nhanh chủ yếu do

A. nhập cư.

B. tỉ suất sinh cao.

C. gia tăng tự nhiên.

D. tỉ suất tử thấp.

Câu 10: Về tự nhiên, Alaxca của Hoa Kỳ **không** có đặc điểm chung nhất là

A. Là bán đảo rộng lớn.

B. Địa hình chủ yếu là đồi núi

C. Khí hậu ôn đới hải dương.

D. Nhiều dầu mỏ và khí tự nhiên.

Câu 11: Thế mạnh về thủy điện của Hoa Kỳ tập trung chủ yếu ở vùng nào?

A. Vùng phía Tây và vùng phía Đông.

B. Vùng phía Đông và vùng trung tâm.

C. Vùng trung tâm và bán đảo Alaxca.

D. Bán đảo Alaxca và quần đảo Haoai.

Câu 12: Dân cư Hoa Kỳ đang có xu hướng di chuyển từ các bang vùng Đông Bắc đến phía Nam và ven Thái Bình Dương chủ yếu do

A. Đông Bắc kinh tế chậm phát triển.

B. Đông Bắc có khí hậu khắc nghiệt.

C. chủ trương di dân của nhà nước.

D. sản xuất công nghiệp được mở rộng.

Câu 13: Đặc điểm nổi bật trong phân bố dân cư Hoa Kỳ là

A. mật độ dân số chung vào loại thấp. B. phân bố dân cư không đều giữa các vùng.

C. phân bố dân cư tương đối năng động. D. tỉ lệ dân thành thị thấp.

Câu 14: Đặc điểm chủ yếu của ngành Công nghiệp Hoa Kỳ hiện nay

A. là ngành tạo nguồn hàng xuất khẩu chủ yếu.

B. là ngành tạo nên sức mạnh cho nền kinh tế Hoa Kỳ.

C. tỉ trọng trong GDP có xu hướng tăng lên.

D. khai thác là ngành có giá trị cao nhất trong cơ cấu công nghiệp.

Câu 15: Hiện nay, nền nông nghiệp Hoa Kỳ **không** có đặc điểm nào dưới đây?

A. Có trình độ khoa học kỹ thuật cao. B. Đồn điền là hình thức sản xuất chủ yếu.

C. Có tính chuyên môn hoá cao.

D. Gắn với công nghiệp chế biến và thị trường tiêu thụ.

Câu 16: Ngành nào sau đây hoạt động khắp thế giới, tạo ra nguồn thu lớn và nhiều lợi thế cho nền kinh tế của Hoa Kỳ hiện nay?

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

A. Ngân hàng và tài chính.

B. Du lịch và thương mại.

C. Hàng không và viễn thông.

D. Vận tải biển và du lịch.

Câu 17: Hoa Kỳ là nước xuất khẩu nông sản đứng đầu thế giới chủ yếu do

A. điều kiện tự nhiên đa dạng, sản xuất gắn liền với công nghiệp chế biến.

B. điều kiện tự nhiên thuận lợi, sản xuất gắn liền với thị trường tiêu thụ.

C. diện tích dân cư lao động thuận lợi, công nghiệp chế biến phát triển.

D. đường lối chính sách thuận lợi, trình độ cơ giới hóa cao.

Câu 18: Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU CỦA HOA KÌ, GIAI ĐOẠN 2010 - 2015

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	Xuất khẩu	Nhập khẩu
2010	1852,3	2365,0
2012	2198,2	2763,8
2014	2375,3	2884,1
2015	2264,3	2786,3

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2015, NXB thống kê, 2016)

Theo bảng số liệu, cho biết nhận xét nào sau đây **không** đúng với tình hình xuất nhập khẩu của Hoa Kỳ, giai đoạn 2010 - 2015?

A. Nhập khẩu tăng nhiều hơn xuất khẩu.

B. Xuất khẩu tăng chậm hơn nhập khẩu.

C. Nhập khẩu luôn lớn hơn xuất khẩu.

D. Tổng giá trị xuất nhập khẩu tăng lên.

Câu 19: Nhận định nào dưới đây **không** đúng với ngành dịch vụ của Hoa Kỳ hiện nay?

A. Dịch vụ là sức mạnh của nền kinh tế Hoa Kỳ.

B. Chiếm tỉ trọng cao nhất trong cơ cấu GDP.

C. Hoạt động dịch vụ rất đa dạng.

D. Hoạt động dịch vụ chủ yếu là du lịch.

Câu 20: Cơ quan có vai trò quan trọng trong các quyết định của EU là

A. Hội đồng Châu Âu.

B. Cơ quan kiểm toán

C. Nghị viện Châu Âu.

D. Tòa án Châu Âu.

Câu 21: Trong thị trường chung châu Âu được tự do lưu thông về

A. con người, hàng hóa, cư trú, dịch vụ.

B. dịch vụ, hàng hóa, tiền vốn, con người.

C. dịch vụ, tiền vốn, chọn nơi làm việc.

D. tiền vốn, con người, dịch vụ, cư trú.

Câu 22: Nhận xét nào sau đây **không** đúng với ý nghĩa của liên kết vùng?

A. Người dân được lựa chọn quốc gia trong vùng để làm việc.

B. Người dân được nhận thông tin báo chí bằng ngôn ngữ của mỗi nước.

C. Sinh viên các nước trong vùng có thể theo học những khóa đào tạo chung.

D. Các con đường xuyên biên giới không được xây dựng.

Câu 23: Việc sử dụng đồng Euro - đô **không** mang lại lợi ích nào sau đây cho EU?

A. Nâng cao sức cạnh tranh thị trường chung châu Âu.

B. Thủ tiêu những rủi ro khi chuyển đổi tiền tệ.

C. Thuận lợi cho việc chuyển giao vốn trong EU.

D. Thu hẹp trình độ phát triển kinh tế giữa các nước thành viên.

Câu 24: Ở Liên minh châu Âu (EU), một luật sư người Ý - ta - li - a có thể làm việc ở Béc - lin như một luật sư Đức là biểu hiện của

A. tự do di chuyển.

B. tự do lưu thông tiền vốn.

C. tự do lưu thông dịch vụ.

D. tự do lưu thông hàng hóa.

Câu 25: Một chiếc máy bay do Pháp sản xuất khi xuất khẩu sang Hà Lan

A. cần giấy phép của chính phủ Hà Lan.

B. phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.

C. không phải nộp thuế cho chính phủ Hà Lan.

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

D. thực hiện chính sách thương mại riêng ở Hà Lan.

Câu 26: Nguyên nhân nào sau đây là đúng nhất trong việc phát triển các liên kết vùng?

A. Thực hiện chung các dự án về giáo dục.

B. Thực hiện chung các dự án về văn hóa.

C. Tận dụng những lợi thế riêng của mỗi nước.

D. Tăng cường tình đoàn kết hữu nghị giữa các nước.

Câu 27: Liên kết vùng Ma - xơ Rai - nơ hình thành tại khu vực biên giới của các nước

A. Hà Lan, Bỉ, Đức.

B. Hà Lan, Pháp, Áo.

C. Bỉ, Pháp, Đan Mạch.

D. Đức, Hà Lan, Pháp.

Câu 28: Đường hầm giao thông dưới biển Măng - sơ nối liền châu Âu lục địa với quốc gia nào sau đây?

A. Đức.

B. Pháp.

C. Anh.

D. Đan Mạch.

B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 điểm)

Câu 1 (1,5 điểm): Chứng minh dân cư Hoa Kỳ có nhiều dân tộc và có tính năng động cao.

Câu 2 (1,5 điểm): Liên minh Châu Âu (EU) thực hiện tự do lưu thông trong những lĩnh vực nào? Chứng minh EU là trung tâm thương mại hàng đầu thế giới.

V. ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

ĐỀ SỐ 01

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
ĐA	B	C	B	A	C	C	A	A	C	D	D	B	D	C
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
ĐA	A	A	D	A	D	B	B	A	C	C	D	D	D	D

B. PHẦN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
1	* Thuận lợi: + Người nhập cư đã đem lại cho Hoa Kỳ nguồn tri thức cao. + Mang đến nguồn vốn lớn. + Mang đến lực lượng lao động lớn, chất lượng. + Văn hóa, kinh nghiệm sản xuất đa dạng, năng động... * Khó khăn: Giải quyết việc làm, chỗ ở, chi phí cho các phúc lợi xã hội khác. Khó khăn trong việc quản lí, bảo đảm an ninh trật tự xã hội...	1,0 0,25 0,25 0,25 0,25 0,5
2	* Tự do lưu thông: - Tự do di chuyển. - Tự do lưu thông dịch vụ. - Tự do lưu thông hàng hóa. - Tự do lưu thông tiền vốn. (Cho 0,25 điểm/02 ý đúng) * EU là trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới: - EU là 1 trong 3 trung tâm kinh tế hàng đầu thế giới. - Đứng hàng đầu thế giới về GDP. - Chiếm tỉ lệ diện tích và dân số nhỏ nhưng lại chiếm tỉ trọng GDP lớn. - Nhiều ngành kinh tế phát triển hàng đầu thế giới.	0,5 1,0 0,25 0,25 0,25 0,25

ĐỀ SỐ 02

A. PHẦN TRẮC NGHIỆM (7,0 ĐIỂM)

GIÁO ÁN ĐỊA LÍ 11

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14
ĐA	C	A	A	D	D	A	C	B	A	C	A	D	C	A
Câu	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28
ĐA	B	A	B	A	D	A	B	D	D	A	C	C	A	C

B. PHÂN TỰ LUẬN (3,0 ĐIỂM)

Câu	Đáp án	Điểm
1	* Nhiều dân tộc: Người Anh Đêng, người da trắng, người da đen, người da vàng và con lai.	0,5
	* Năng động:	1,0
	- Hoa Kỳ là đất nước của những người nhập cư nên nguồn lao động có trình độ cao và giàu kinh nghiệm.	0,25
	- Hiện nay dân cư đang có xu hướng di chuyển từ bắc xuống nam và từ đông sang tây phù hợp với quá trình khai thác lãnh thổ và xu hướng chuyển dịch cơ cấu lãnh thổ nên kinh tế.	0,25
	- Dân cư chủ yếu sống ở thành thị nhưng chủ yếu sống ở các đô thị vừa và nhỏ nên hạn chế được những mặt tiêu cực của đô thị hóa.	0,25
	- Nguồn lao động chất lượng, tư duy sáng tạo, dám nghĩ dám làm...	0,25
1	* Tự do lưu thông:	0,5
	- Tự do di chuyển.	
	- Tự do lưu thông dịch vụ.	
	- Tự do lưu thông hàng hóa.	
	- Tự do lưu thông tiền vốn.	
	(Cho 0,25 điểm/02 ý đúng)	
	* EU là trung tâm thương mại hàng đầu thế giới:	1,0
	- Là trung tâm thương mại lớn hàng đầu thế giới.	0,25
	- Chiếm khoảng 37% giá trị xuất khẩu toàn thế giới.	0,25
	- Tỷ trọng xuất khẩu và nhập khẩu của EU luôn cao nhất trong tổng của thế giới.	0,25
	- Thị trường xuất, nhập khẩu rộng lớn.	0,25